Hôm sau, ngày 15 tháng 6, mọi công việc đều đã được chuẩn bị xong. Giáo sư Fridrikson tặng chú tôi một tấm bản đồ Iceland do Hội văn học Iceland in ấn, nó hoàn chỉnh và hơn hẳn tấm bản đồ của Handerson. Đối với một nhà khoáng vật học như chú tôi thì đây quả là một tài liệu vô cùng quý giá.   
Suốt buổi tối ngày cuối cùng trước khi lên đường ấy, chúng tôi ngồi trò chuyện thân mật với giáo sư Fridrikson. Sau đó chúng tôi lên giường đi ngủ, riêng tôi cứ thao thức mãi không sao chợp mắt được.   
Năm giờ sáng, tôi thức giấc vì tiếng hí của bốn con ngựa đứng dậm chân dưới cửa sổ, tôi nhanh nhẹn mặc quần áo và xuống dưới đường. Ở đó, Hans đang chất những kiện hành lý cuối cùng của chúng tôi lên lưng ngựa. Anh lặng lẽ làm việc, hết sức khéo léo và hình như bỏ ngoài tai những ý kiến của chú tôi đang lăng xăng bên cạnh.   
Đến sáu giờ, mọi việc đã xong xuôi. Giáo sư Fridrikson bắt tay chúng tôi, còn chú tôi thì hết lời cảm ơn ông ấy về sự đón tiếp ân cần và những giúp đỡ quý báu của ông đối với chúng tôi. Chúng tôi siết chặt tay ông, chào tạm biệt rồi lên yên ngựa. Để tiễn biệt, giáo sư Fridrikson đọc một câu thơ bằng tiếng Latinh chúc chúng tôi lên đường bình an.

Jules Verne

Cuộc du hành vào lòng đất

Chương 6

Núi lửa SNEFFELS

Buổi sáng hôm ấy trời nhiều mây nhưng ổn định, chúng tôi lên đường với một thời tiết khá thuận lợi.   
Trong chặng đầu tiên của cuộc hành trình, cái thú được ngồi trên mình ngựa qua một đất nước xa lạ khiến chú tôi trở lên dễ tính. Còn tôi thì choáng ngợp trong niềm hạnh phúc được thỏa mãn nỗi khát khao và tự do của người đi thám hiểm và cứ để mặc cho sự việc lôi cuốn.   
“Mình sợ cái gì chứ? – tôi nhủ thầm – Sợ đi chu du giữa một đất nước kì lạ nhất? Hay sợ leo lên một ngọn núi khá nổi tiếng để rồi tụt xuống đáy một ngọn núi lửa đã tắt từ lâu? Còn ông Saknussemm cách đây mấy trăm năm chắc cũng chỉ xuống tới đáy miệng núi lửa ấy là cùng, chứ làm gì có đường hầm nào đi tới tâm trái đất! Toàn là chuyện tưởng tượng, không thể có được!”   
Mà mấy khi gặp dịp may hiếm có được đi du lịch như thế này. Tội gì mà chần chừ, tội gì mà lo nghĩ vẩn vơ chứ!   
Nghĩ vậy tôi thấy vững tâm hẳn lên.   
Đoàn thám hiểm của chúng tôi đã rời xa Reykjavik. Hans rảo bước dẫn đầu. Hai con ngựa trở hành trang đi theo sau. Tiếp đến là tôi và giáo sư Lidenbrock ung dung trên đôi ngựa nhỏ và khỏe.   
Iceland là một trong những hòn đảo lớn của Châu Âu, diện tích 1.400 dặm vuông với 60 ngàn dân. Các nhà địa lý chia hòn đảo này thành bốn khu vực. Chúng tôi đang đi chéo qua khu vực phía tây nam.   
Ra khỏi Reykjavik, Hans dẫn chúng tôi men theo bờ biển băng qua những cánh đồng cỏ vàng úa cằn cỗi ở chân trời phía đông. Đây đó có vài mảng tuyết sáng trên sườn những ngọn núi xa xa. Vài ngọn núi vươn cao xuyên thủng mây xám, trồi lên như đá ngầm giữa biển mây cuồn cuộn.   
Ở nhiều chỗ, những khối đá lô nhô cằn cỗi nhô ra đến biển vắt ngang đồng cỏ, song vẫn có lối đi qua. Những con ngựa của chúng tôi theo bản năng bao giờ cũng tìm ngay được những lối đi ấy mà không cần chậm bước.   
- Chà, mấy con ngựa hay thật! – giáo sư nói với tôi – Xét về trí thông minh không loài ngựa nào ăn đứt được ngựa Iceland. Nó can đảm, dè dặt, đáng tin cậy.   
Chúng tôi vẫn rảo bước. Quang cảnh đã bắt đầu hoang vắng. Lác đác đó đây một cái trại bỏ hoang hoặc vài ba túp lều đơn độc của nông dân Iceland, dựng sơ sài bằng cành cây và bằng đất lẫn dung nham vụn.   
Hai giờ sau khi rời Reykjavik, chúng tôi tới Gufunes. Gufunes là một ngôi làng nhỏ bé và nghèo nàn, chỉ có lác đác vài nóc nhà. Chúng tôi nghỉ chân ở đấy nửa tiếng, chia sẻ với nhau những bữa trưa thanh đạm. Hans nói. Khi chú tôi hỏi anh ta định dừng lại ngủ đêm ở đâu, anh trả lời cộc lốc:   
- Gardar!   
Đem bản đồ ra xem, tôi thấy bên bờ vịnh Hvaljoird cách Reykjavik bốn dặm có một ngôi làng nhỏ mang tên ấy. Tôi liền chỉ cho giáo sư.   
- Trời đất! – ông la lên – Chẳng lẽ cả một ngày trời mà chúng ta đi được có bốn dặm thôi sao?   
Chú tôi định góp ý với người dẫn đường, song anh ta lẳng lặng đứng dậy và dẫn đầu đoàn ngựa tiếp tục cất bước.   
Sau khi đi quanh vịnh Kollafjord, chúng tôi lại lên đường ngay và đi thẳng tới bờ nam vịnh Hvaljord. Vịnh Hvaljord rộng gần nửa dặm, sóng vỗ ầm ầm lên những mô đá nhọn hoắt ven bờ. Vịnh lọt giữa những vách núi đá cao ba ngàn bộ, dựng đứng như những bức tường thành. Tôi không tin mình có thể vượt qua một eo biển như vậy trên lưng một con ngựa, cho dù nó thông minh đến độ nào chăng nữa! Nhưng chú tôi không muốn chờ đợi, ông thúc cả hai con ngựa ra bờ biển. Con ngựa của ông cưỡi dừng lại rồi đứng ì ra. Giáo sư Lidenbrock nguyền rủa ầm ĩ và ra roi quất liên tục. Con ngựa cũng chồm lên đá hậu và tìm cách hất chú tôi ra khỏi lưng nó. Cuối cùng chú ngựa khôn khéo khuỵu chân xuống và đặt giáo sư đứng trên hai tảng đá ven biển.   
- Chà! Chà! – giáo sư gầm lên – Cái con ngựa trời đánh thánh đâm này khôn thật!   
Hans bước tới vỗ nhẹ vai chú tôi nói:   
- Farja!   
- Cái gì? Thuyền à?   
- Der! – Hans chỉ một chiếc thuyền.   
- A! – tôi reo lên – Có một chiếc thuyền ở đằng kia!   
- Vậy phải nói ngay chứ! Thôi được chúng ta lên đường!   
- Tivatter! – người dẫn đường nói.   
- Anh ta nói gì vậy?   
- Thủy triều. – giáo sư phiên dịch lại cho tôi hiểu.   
- Ta phải đợi thủy triều sao?   
- Forbida? – chú tôi hỏi lại Hans.   
- Ja!   
Tôi hoàn toàn hiểu rằng phải chờ tới lúc con nước đứng, thủy triều không lên cũng không xuống, thuyền mới sang ngang được mà không sợ bị nhận chìm xuống đáy vịnh hoặc bị trôi tuốt ra khơi.   
Phải tới sáu giờ chiều mới tới thời điểm thuận lợi ấy. Cả đoàn người, ngựa chúng tôi cùng hai khách sang ngang nữa bước xuống một chiếc thuyền khá mong manh. Qua hơn một giờ lênh đênh chúng tôi cũng qua được vịnh Hvaljloird an toàn.   
Nửa giờ sau chúng tôi tới Hoalkirkja Gardar. Giờ này đáng lẽ trời phải tối rồi, nhưng ở vĩ tuyến 65 này trời vẫn sáng như ban ngày. Tại Iceland, vào tháng sáu và tháng bảy mặt trời không lặn.   
Nhiệt độ càng hạ thấp, tôi càng thấy lạnh và rất đói. Chúng tôi gõ cửa một ngôi nhà, ông chủ nhà bước ra bắt tay và ra hiệu mời chúng tôi vào. Đây là nhà một nông dân bình thường nhưng rất hiếu khách. Ông chủ nhà dẫn chúng tôi vào một căn phòng lớn, nền đất nệm, ánh sáng được lọc qua tấm màn bằng da cừu treo ở cửa sổ, giường nằm là một ổ rơm khô chứa trong hai cái khung gỗ sơn đỏ được trang hoàng bằng mấy câu châm ngôn Iceland. Tôi không ngờ lại có những tiện nghi như vậy! Tuy vậy trong nhà rất nặng mùi cá khô, mùi thịt ướp và mùi sữa chua rất khó chịu.   
Chúng tôi vừa dẹp xong đống hành trang nặng nề thì tiếng ông chủ đã vang lên mời chúng tôi qua nhà bếp. Dù trời lạnh khủng khiếp nhưng cả nhà chỉ có căn phòng này là nơi duy nhất có đốt lửa. Giáo sư Lidenbrock lẹ làng nhận lời mời, và tôi cũng bước theo ông.   
Khi chúng tôi bước vào, chủ nhà làm như chưa từng gặp chúng tôi, ông lên tiếng chào “Saellvertu” nghĩa là “chúc hạnh phúc”, rồi bước tới hôn lên má từng người. Tiếp đến, bà vợ chủ nhà cũng nói và kèm theo những lễ nghi như vậy. Rồi hai ông bà cúi rạp mình xuống, bàn tay phải đặt lên ngực chỗ trái tim và cúi chào thật sâu.   
Bà chủ nhà có tới mười chín đứa con đang chạy chơi loăng quăng giữa những cuộn khói bếp mù mịt tỏa khắp phòng. Thỉnh thoảng tôi lại thấy từ giữa đám khói nhô ra một cái đầu tóc vàng hoe vẻ mặt nghiêm trang, trông chúng hệt một bầy thiên thần lem luốc.   
Tôi và chú tôi được cả bầy con nít ấy tiếp đón rất nồng nhiệt, thoắt một cái đã có vài đứa trên vai, vài đứa trên đầu gối, lũ trẻ còn lại bâu quanh cẳng chân. Thế rồi chúng nhao nhao chào “Saellvertu” bằng đủ giọng đủ kiểu, những đứa không biết nói cũng la lối không kém! Dàn hợp tấu những âm thanh lộn xộn đó kết thúc khi nghe thông báo bữa ăn đã dọn xong. Lúc đó, anh chàng săn vịt biển cũng đã vào vừa tới sau khi cho ngựa ăn xong.   
Sau khi chào “Saellvertu”, Hans lặng lẽ ôm hôn ông bà chủ nhà rồi lần lượt mười chín đứa bé bằng những cái hôn ấm áp như nhau. Cuối cùng, mọi người ngồi vào bàn ăn với con số hai mươi bốn, người nọ ngồi chồng lên người kia theo đúng nghĩa của từ ngữ. Người nào ưu tiên nhất cũng có hai đứa bé trên đầu gối!   
Nhưng, khi nồi súp được bưng vào, cả cái thế giới hỗn độn ấy bỗng yên lặng, một sự yên lặng rất tự nhiên.   
Ăn xong, lũ trẻ biến mất ngay, còn người lớn ngồi lại, tụ tập quanh bếp lửa. Sau khi đã sưởi ấm, chúng tôi rút lui về phía căn phòng dành cho mình. Cuối cùng tôi cũng đã rúc được vào cái ổ rơm ấm cúng và làm một giấc đến sáng.   
Năm giờ sáng, chúng tôi chào tạm biệt gia đình người nông dân Iceland. Chú tôi thuyết phục mãi họ mới chịu nhận một ít tiền thù lao, rồi Hans ra hiệu khởi hành.   
Rời khỏi Hoalkirkja Gardar độ chừng trăm thước, đường đất đã bắt đầu lầy lội rất khó đi. Ở bên phải chúng tôi núi non trùng điệp kéo dài như một hệ thống phòng thủ tự nhiên.   
Càng đi, cảnh vật càng hoang vu, ngoài vài bụi cây cằn cỗi, tôi cũng chẳng bắt gặp một động vật nào trừ một hai con ngựa hoang lang thang trên cánh đồng vắng ảm đạm. Hiếm lắm mới có một con chim cắt lượn trong đám mây xám rồi vỗ cánh bay về phương nam. Tôi lặng đi trong cái u sầu của cảnh hoang dã này và chạnh nhớ đến quê hương ở bên kia đại dương.   
Đến chiều tối, sau khi lội ngang sông Alpha và sông Heta, chúng tôi bắt buộc phải dừng lại ngủ đêm trong một túp lều bỏ hoang. Trời lạnh buốt khiến chúng tôi không tài nào chợp mắt được.   
Ngày hôm sau không xảy ra một sự cố nào đặc biệt, vẫn những đồng đất sình lầy, vẫn cảnh sắc đơn điệu và buồn tẻ. Tính ra chúng tôi đã đi được nửa đường.   
Ngày 19 tháng 6, Hans dẫn chúng tôi qua một ngọn núi lửa đã tắt. Từ trên đỉnh núi này, dòng dung nhan mênh mông tràn xuống một vùng rộng lớn hơn một dặm vuông. Những tàn tích này nói lên sự dữ dội đã qua khi tất cả những ngọn núi kia cùng phun lửa một lúc. Đây đó, những làn khói suối nước nóng vẫn ngoằn ngoèo bò quanh.   
Vì mải đi, chúng tôi không có thời gian ngắm nhìn những hiện tượng này. Đoàn ngựa lại đưa chúng tôi qua những vùng đất sình lầy ngổn ngang ao hồ về phía tây. Chúng tôi đã thực sự đi được một vòng quanh vịnh. Ngọn Sneffels vươn lên giữa trời chỉ còn cách chúng tôi chưa đầy năm dặm.   
Mấy con ngựa bước đi rất khỏe, vượt qua dễ dàng mọi trở ngại trên đường, tôi đã bắt đầu thấm mệt. Còn chú tô và anh chàng thợ săn vịt biển vẫn trơ trơ như đá vững như đồng, hai người coi cuộc hành trình này như một cuộc dạo chơi bình thường.   
Sáu giờ chiều ngày thứ bảy 20 tháng 6, chúng tôi tới Budir, một làng ở ven biển và anh chàng dẫn đường người Iceland đòi tiền công như đã thỏa thuận. Giáo sư Lidenbrock liền thanh toán ngay với anh. Chúng tôi được gia đình người chú của Hans tiếp đón rất nồng nhiệt. Tôi muốn kéo dài thời gian nghỉ ngơi ở nhà những người nông dân tử tế và hiều khách này cho quên những nỗi mệt nhọc trên đường đi. Nhưng chú tôi chỉ nghĩ đến một điều duy nhất là làm sao đến ngọn Sneffels càng sớm càng tốt, nên sáng hôm sau chúng tôi lại tiếp tục lên đường.   
Hans đưa chúng tôi đi quanh chân ngọn núi lửa hùng vĩ, len lỏi giữa những tảng đá trồi lên mặt đất. Mắt không rời hai đỉnh núi quanh năm phủ tuyết của ngọn Sneffels, giáo sư Lidenbrock hoa chân múa tay nói như thách thức: “Chà! Tên khổng lồ mà ta sẽ chinh phục đây rồi!”. Cuối cùng sau 24 giờ vất vả, mấy con ngựa dũng cảm dừng lại ở Stapi, một ngôi làng nhỏ gồm khoảng ba chục nóc nhà dựng ngay trên nền dung nham dưới ánh sáng mặt trời do núi lửa phản chiếu xuống. Làng này nằm tận cùng một vịnh hẹp, lọt giữa những vách đá kì lạ chưa từng thấy.   
Tôi nghe nói nhiều về dãy cột đá badan ở Iceland thường gọi là “Con đường của những người khổng lồ”, về động Fingal ở quần đảo Hébrides nhưng tôi chưa bao giờ được tận mắt trông thấy một cấu trúc bằng đá basal như ở làng Stapi này.   
Đó là chặng cuối cùng của hành trình trên mặt đất. Thấy Hans vẫn còn đi tiếp cùng chúng tôi, tôi thấy phần nào an tâm.   
Tới nhà của một cha xứ, một căn nhà tồi tàn thấp lè tè, không đẹp và cũng chẳng tiện nghi gì hơn những nhà xung quanh. Tôi thấy một người thợ đang đóng móng cho ngựa, chàng thợ săn vịt biển chào:   
- Seallvertu!   
- God Dag! – ông thợ đóng móng ngựa trả lời bằng tiếng Đan Mạch.   
- Kyrkoherde. – Hans quay lại và nói.   
- Cha xứ à? – giáo sư ngạc nhiên nói – Axel này, hình như ông thợ đóng móng ngựa đây là cha xứ!   
Chàng dẫn đường giới thiệu với cha xứ đôi điều về chúng tôi. Cha xứ ngừng tay làm việc, kêu lên một tiếng gì đó, lập tức có một bà già cao lớn từ trong nhà đi ra. Tôi chỉ sợ bà lại làm thủ tục ôm hôn chúng tôi theo phong cách Iceland, nhưng cũng may là không việc gì. Tuy vậy, bà tỏ vẻ khó chịu khi dẫn chúng tôi vào trong nhà.   
Phòng dành cho khách trong nhà cha xứ là một căn phòng tồi tệ nhất, chật hẹp, bẩn thỉu và hôi hám. Chúng tôi cũng đành phải bằng lòng với điều kiện như vậy thôi vì ông cha xứ này có vẻ không được hiếu khách lắm. Tôi không muốn nói xấu vị giáo sĩ tội nghiệp này vì chung quanh họ là những người nghèo khổ. Cả số tiền lương ít ỏi do chính quyền Đan Mạch trả lẫn số lợi tức của nhà thờ cộng lại cũng không làm cho họ sống đủ, do vậy họ nhất thiết phải làm việc. Và phải chăng do làm công việc không xứng với một đại diện của Chúa nên họ sinh ra thô lỗ, cục cằn?   
Giáo sư Lidenbrock hiểu ngay là mình đang tiếp xúc với hạng người nào, nên ông quyết định tiến hành thật sớm cuộc thám hiểm và rời cho mau khỏi căn nhà ít hiếu khách của vị cha xứ. Giáo sư không để ý đến những mệt nhọc sau bao ngày rong ruổi trên yên ngựa, định sẽ lên nghỉ ngơi vài ngày trên núi.   
Ngay hôm sau, chúng tôi đã lại chuẩn bị rời làng Stapi lên đường. Để thay thế những con ngựa, Hans mướn thêm ba người Iceland nữa để vác hành lý lên. Hai bên thỏa thuận với nhau rằng khi lên đến ngọn núi lửa họ sẽ quay về ngay. Đồng thời giáo sư Lidenbrock cũng nói cho Hans rõ ý định của ông là tiếp tục thăm dò núi lửa. Anh thợ săn vịt biển vui lòng gật đầu. Đối với anh đi đâu cũng được, chui sâu xuống đất hay đi trên mặt đất của hòn đảo quê hương thì có gì là khác đâu! Còn tôi, những sự cố trên đường đã khiến tôi tạm quên những gì đang chờ đợi mình bên trong ngọn núi lửa kia, nhưng giờ đây như chợt bừng tỉnh, tôi thấy hồi hộp hơn lúc nào hết. Làm thế nào bây giờ? Nếu muốn cưỡng lại giáo sư Lidenbrock thì phải làm việc đó ngay ở Hambourg chứ không phải đến tận chân núi Sneffels này. Một trong những ý nghĩ đáng khiếp sợ nhất ám ảnh tôi khiến tôi bồn chồn lo lắng. Tôi nhủ thầm:   
“Ta sẽ leo lên núi Sneffels, sẽ leo xuống cái miệng phun lửa của nó. Nhiều người cũng đã từng làm như vậy nhưng có chết đâu! Nhưng đâu đã hết. Giả dụ như lời ông Saknussemm nói là thật thì ta cũng sẽ bị lạc trong những đường hầm, ngóc ngách của núi lửa thôi. Vả lại, chẳng một ai chứng minh và khẳng định núi lửa Sneffels đã ngưng hoạt động hẳn, không phun trào nữa. Con quái vật đã ngủ thiếp đi từ năm 1229 nhưng biết đau nó chẳng bỗng dưng bừng tỉnh dậy, lúc ấy sẽ ra sao?   
Những điều đó bắt tôi suy nghĩ miên man không dứt. Trong giấc ngủ tôi luôn mơ thấy mình bị phụt lên không trung lẫn giữ những phún thạch núi lửa khủng khiếp. Cuối cùng không thể chịu đựng được nữa, tôi quyết định trình bày sao cho khéo léo trường hợp này với chú tôi dưới hình thức một giả thuyết hoàn toàn không lo ngại rồi lùi lại để ông có thể tự do suy nghĩ. Chú tôi đáp cộc lốc:   
- Được! Chú sẽ nghĩ!   
Giáo sư nói vậy là có ý gì? Liệu ông có nghe ra lẽ phải không? Có từ bỏ những dự định đáng sợ đó hay không? Nếu được như vậy thì hay biết chừng nào!   
Sau khi trầm ngâm một lúc lâu, giáo sư Lidenbrock nói:   
- Axel này, chúng ta không nên hành động thiếu thận trọng, phải không cháu? Vì vậy, ngay từ lúc đặt chân đến làng Stapi chú cũng đã để tâm và cân nhắc vấn đề hệ trọng mà cháy vừa đề cập tới.   
- Thưa chú đúng vậy.   
- Ngọn Sneffels đã ngưng hoạt động từ sáu trăm năm nay, nhưng nó có thể sẽ lại hồi sinh được lắm chứ! Tuy vậy trước khi núi lửa phun trào, bao giờ cũng xuất hiện những hiện tượng báo trước, chú đã hỏi thăm dân chúng địa phương, đã nghiên cứu đất đai nên chú có thể chắc chắn với cháu rằng là nó không còn phún xuất nữa.   
Sửng sốt trước lời khẳng định của giáo sư, tôi không còn biết đối đáp ra sao. Nhưng thấy tôi vẫn có vẻ hoài nghi, giáo sư dẫn tôi đi theo ông. Chúng tôi tới một vùng mênh mông phủ đầy các loại đá từ núi lửa phun ra. Đó đây, tôi nhìn thấy bốc lên trời những luồng hơi nước. Những hơi nước màu trắng này người Iceland gọi là reykir bốc lên từ những suối nước nóng và tùy mức độ mạnh yêu chỉ rõ sự họat động của núi lửa. Giáo sư Lidenbrock nói:   
- Axel, cháu có nhìn thấy gì không? Những làn khói trắng kia chứng tỏ chúng ta chăng có gì đáng lo ngại về sự nổi giận của núi lửa.   
- Như vậy nghĩa là sao ạ?   
- À, cháu hãy ghi nhơ điều này: khi sắp có sự phún xuất, khí foumaron bốc lên rất mạnh để rồi biến mất hoàn toàn trong suốt thời gian núi lửa hoạt động. Sở dĩ như vậy là vì những chât khí đàn hồi này một khi đã phun ra theo đường miệng núi lửa sẽ không còn đủ áp suất để thoát qua những kẽ nứt của vỏ trái đất nữa. Như vậy, nếu khí foumaron vẫn giữ nguyên trạng thái bình thường, không mạnh lên, thêm vào đó gió thuận mưa hòa, trời không oi ả thì cháu có thể khẳng định thời gian tới không có sự phun trào.   
- Nhưng thưa chú…   
- Không nhưng gì hết, một khi khoa học đã lên tiếng, ta chỉ có việc cúi đầu và im lặng.   
Tôi tiu nghỉu quay trở về căn nhà của cha xứ. Giáo sư đã thắng tôi bằng những luận cứ khoa học. Nhưng tô vẫn còn một chút hi vọng nhỏ là khi tới đáy miệng núi lửa, chúng tôi sẽ không tìm ra đương đi và như thế không thể đi xuống sâu hơn được. Đêm đó tôi nằm mơ thấy mình đang ở giữa lòng núi lửa và bị hất tung lên không…   
Hôm sau, ngày 23 tháng 6, Hans đã chờ chúng tôi cùng với những người bạn, họ sẽ vác hành lý và trang bị. Hai cây gậy bịt sắt, hai khẩu súng kèm hai dây lưng đạn dành riêng cho tôi và giáo sư. Hans còn thận trọng mang thêm một túi da đựng đầy nước, như vậy cộng với những bầu nước chuẩn bị từ trước, chúng tôi có đủ nước để uống trong tám ngày.   
Lúc ấy là chín giờ sáng. Ông cha xứ và bà già cao lớn đợi trước cửa. Có lẽ các vị chủ nhà định chờ để nói với chúng tôi lời tạm biệt cuối cùng? Nhưng thật bất ngờ, lời chào ấy lại là một bản thanh toán thật dễ sợ, trong đó họ bắt chúng tôi phải trả tiền cho việc hít thở cái không khí hôi hám trong nhà của họ. Giáo sư trả tiền ngay mà không nói một lời nào cả.   
Thấy việc thanh toán đã xong xuôi, Hans ra hiệu khởi hành. Ít phút sau, chúng tôi đã rời khỏi làng Stapi.

Jules Verne

Cuộc du hành vào lòng đất

Chương 7

Bắt đầu đi xuống

Sneffels có hai đỉnh, cao năm ngàn bộ, là ngọn núi nổi bật nhất trong hệ thống núi lửa của đảo Iceland. Từ làng Stapi, chúng tôi không thể quan sát được hai đỉnh ấy nhô lên ở đâu trên nền trời xám xịt, mà chỉ nhìn thấy một chỏm tuyết rất lớn chụp trên đỉnh của nó.   
Chúng tôi đi hàng một theo sau Hans. Người dẫn đường leo theo những đường mòn hẹp không đủ cho hai người đi song song, nên chúng tôi không ai nói chuyện được với ai.   
Đường càng ngày càng dốc, càng khó đi. Nhiều tảng đá lung lay rất nguy hiểm, chúng tôi phải hết sức thận trọng khi đặt chân mới khỏi bị ngã. Hans vẫn bình thản cất bước như đi trên đất bằng. Đôi khi anh bỗng thoắt biến mất sau những khối đá lớn, chúng tôi còn đang ngơ ngác thì đã nghe tiếng anh huýt sáo để chỉ đường. Thỉnh thoảng anh dừng lại, nhặt vài viên đá chồng lên làm dấu, phòng khi trở về khỏi bị lạc đường. Hans thận trọng như vậy là tốt nhưng những sự cố sau này khiến việc làm đó của anh là thừa.   
Qua ba giờ hành trình mệt nhọc, chúng tôi mới tới chân núi. Hans ra hiệu dừng lại. Chúng tôi chia sẻ với nhau bữa ăn trưa đạm bạc. Giáo sư ăn thật mau để có thể tiếp tục đi được ngay. Nhưng phải tới một giờ sau, chúng tôi mới lại lên đường.   
Bây giơ chúng tôi bắt đầu trèo lên sườn núi Sneffels. Do hiện tượng ảo giác thường gặp ở miền núi cao, chỏm núi phủ tuyết nhìn rất gần nhưng phải mất rất nhiều giờ chúng tôi mới leo đến nơi. Ở vài chỗ, sườn núi dốc đứng không thể leo khiển chúng tôi phải đi vòng và luôn luôn phải dùng gậy để chống.   
Giáo sư Lidenbrock lúc nào cũng kèm sát, không rời tôi lấy nửa bước và nhiều lần cánh tay của ông đã làm chỗ dựa vững chắc cho tôi. Tôi cũng thấy lạ, hình như ngay từ khi ra đời giáo sư đã có ý thức về sự thăng bằng nên ông chẳng bước hụt bao giờ. Những người Iceland mặc dầu mang vác nặng vẫn leo lên với sự nhanh nhẹn vốn có của người miền núi.   
Cứ nhìn đỉnh núi Sneffels cao vời vợi tôi thấy nếu sườn núi không bớt dốc thì khó có thể trèo lên tới đó từ phía bên này. May thay, sau một giờ phải đi vòng hết sức mệt nhọc tới giữa thảm tuyết rộng ở lưng chừng núi, chúng tôi bất ngờ gặp một loại cầu thang giúp chúng tôi leo lên được dễ dàng hơn. Cầu thang này được hình thành bởi một dòng thác đá phun trào. Nếu không bị sườn núi ngăn cản, chắc dòng thác đá này đã đổ xuống biển và tạo thành những hòn đảo mới rồi.   
Sườn núi càng lên cao càng dốc đứng, nhưng nhờ có cầu thang thiên nhiên, chúng tôi cũng đỡ mệt và trèo lên dễ dàng, nhanh chóng hơn. Đến bảy giờ chiều, chúng tôi đã lên hết hai ngàn bậc thang và đứng trên một chỗ núi phình ra, một dạng địa tầng nơi hình phễu của miệng núi lửa dựa vào.   
Cách 3.200 bộ dưới chân chúng tôi là biển cả mênh mông. Chúng tôi đã vượt qua giới hạn vùng có tuyết phủ quanh năm. Trời lạnh cắt da và gió thổi mạnh. Tôi đã kiệt sức lắm rồi. Giáo sư Lidenbrock nhận thấy tôi không còn cất bước được nữa nên ông quyết định dừng chân. Ông ra hiệu cho Hans, nhưng anh ta lắc đầu, nói:   
- Ojvanjor.   
- Hình như anh ấy báo cho chúng ta phải lên cao nữa. – nói xong chú tôi quay lại hỏi Hans lý do tại sao.   
- Mistour! – Hans trả lời.   
- Ja, mistour! – một người Iceland nhắc lại với giọng sợ hãi.   
- Từ đó nghĩa là gì ạ? – tôi hỏi.   
- Cháu hãy nhìn kìa!   
Tôi vội nhìn về phía đồng bằng. Một cột khổng lồ những bụi đá và sỏi cát bốc lên cao, quay cuồng như một vòi rồng đang được gió bụi thổi quặt về sườn núi Sneffels, nơi chúng tôi đang dừng chân. Bức màn đất đá dày đặc ấy dăng ngang mặt trời khiến một vùng núi bỗng sầm tối. Nếu cái vòi rồng này xà xuống, thế nào nó cũng cuốn cả chúng tôi vào trong. Hiện tượng này, tiếng Iceland là mistour, thường xảy ra mỗi khi có gió thổi từ vùng băng hà về. Người dẫn đường của chúng tôi hét to:   
- Hastigt, hastig!   
Tuy không biết tiếng Đan Mạch nhưng tôi cũng hiểu phải mau chóng bám theo Hans. Anh ta đi chếch lên, vòng sang phía bên kia miệng núi lửa. Chẳng mấy chốc, vòi rồng sầm sập đổ xuống, ngọn Sneffels rung lên. Đất đá bị cuốn trong gió lốc bay ào ào. Cũng may chúng tôi đã ở triền núi bên này nên tránh được nguy hiểm.   
Thoát nạn. Chúng tôi tiếp tục treo ngay theo đường chữ chi. Hans cho rằng ngủ lại đêm trên sườn miệng phễu là thiếu thận trọng. Phải mất gần năm tiếng, chúng tôi mới vượt được hết 1.500 bộ còn lại. Những đường vòng, những lối chếch, những độ cao phải đi quanh cộng lại dài đến ba dặm. Không còn chịu đựng được nữa, tôi khuỵu xuống vì đói và lạnh. Trên cao, không khí loãng nên không đủ cho hai lá phổi của tôi hít thở. Sau cùng, lúc mười một giờ đêm hôm ấy, trong bầu trời tối đen, chúng tôi lên đến đỉnh Sneffels. Trước khi vào miệng núi lửa để nghỉ ngơi, chúng tôi còn kịp nhìn thấy ánh mặt trời nửa đêm chiếu nhợt nhạt lên hòn đảo đang nằm ngủ yên dưới kia.   
Đoàn thám hiểm chúng tôi ăn ngấu nghiến cho xong bữa tối rồi tìm cách thu xếp chỗ nghỉ. Ở độ cao năm ngàn bộ trên mặt biển này, chúng tôi hoàn toàn không thoải mái, chỗ nằm thì cứng mà chỗ trú thì không được vững trãi lắm. Nhưng đêm ấy, tôi ngủ một giấc đặc biệt ngon lành. Lâu lắm tôi mới có được một đêm yên tĩnh, không mộng mị như vậy.   
Hôm sau, trong ánh nắng rực rỡ, chúng tôi thức dậy rét cóng vì không khí lạnh của buổi sớm mai. Tôi đứng trên đỉnh phía nam, một trong hai đỉnh của núi Sneffels và phóng mắt nhìn khắp một vùng rộng lớn của đảo. Từ những độ cao như vậy, ta chỉ phân biệt được đường nét của bờ biển còn những phần ở giữa đất liền hình như bị chìm đi. Ở phía bên phải tôi, băng hà và những đỉnh núi phủ tuyết nối tiếp nhau trùng điệp, kéo dài đến vô tận. Ở phía tây, đại dương trải rộng uy nghi như tiếp nối những đỉnh núi ấy. Đâu là giới hạn của đất liền, đâu bắt đầu sóng nước biển khơi, mắt tôi chỉ phân biệt được lờ mờ.   
Tôi đắm mình trong cảm giác đê mê đến lạ lùng nảy sinh trên những đỉnh núi cao. Lần này tôi không bị chóng mặt vì ít nhiều đã được làm quen với những độ cao. Ánh mặt trời chói chang trong suốt làm tôi chói mắt. Tôi bỗng quên bẵng mình là ai, tôi đang ở đây để sống cuộc sống của thần tiên, của những nhân vật tưởng tượng trong thần thoại bắc Âu. Tôi say sưa tận hưởng khoái lạc của những độ cao, lãng quên đi những vực thẳm mà số phận sắp ném tôi xuống. Giáo sư Lidenbrock và Hans leo lên đỉnh núi chỗ tôi đang đứng. Sự có mặt của hai người kéo tôi trở về thực tại.   
Quay về hướng tây, giáo sư chỉ cho tôi một gợn đất trông nhẹ xốp như khói như mây và bảo:   
- Groemland đấy!   
- Groemland à! – tôi kinh ngạc kêu lên.   
- Phải, chúng ta chỉ cách hòn đảo ấy không đầy ba mươi lăm dặm. Nhưng điều ấy không có gì quan trọng. Chủ yếu chúng ta đang đứng trên ngọn núi Sneffels có hai đỉnh, một phía nam và một phía bắc. Hans sẽ cho biết đỉnh núi chúng ta đang đứng đây, người Iceland gọi tên gì?   
- Scartaris.   
- Tiến vào miệng núi lửa ngay! – giáo sư reo lên, mắt nhìn tôi vẻ đắc thắng.   
Miệng núi lửa Sneffels giống như miệng một cái phễu khổng lồ, đường kính rộng chừng nửa dặm, sâu khoảng hai ngàn bộ. Do vậy thành phễu dốc thoai thoải rất dễ trèo xuống. Nhưng khó có thể phán đoán khi nó đầy ứ khói lửa và sấm sét sẽ như thế nào? Vô tình so sánh miệng núi lửa này với cái vòi rồng hôm trước, tôi bỗng thấy khiếp sợ! Tôi thầm nghĩ: “Chỉ có những kẻ điên rồ mới tính chuyện trèo xuống trong một cái vòi rồng nạp đầy khói lửa mà chỉ cần động nhẹ cũng có thể làm nó nổ tung!”   
Nhưng không còn lui bước được nữa, Hans đã tiến lên dẫn đầu đoàn thám hiểm với vẻ bình thản. Tôi đành lặng lẽ bước theo anh. Để xuống được dễ dàng, anh đi trong miệng phễu theo những đường cong dài. Chúng tôi len lỏi giữa những phún thạch. Hans dùng gậy bịt sắt dò đường, tiến bước hết sức thận trọng. Ở vài quãng đáng ngờ, anh cẩn thận lấy thừng dài buộc chúng tôi lại với nhau, phòng có ai không may sẩy chân sẽ được các bạn đồng hành kéo lại. Mặc dù đường xuống rất khó khăn, nhưng chúng tôi không gặp một tai nạn nào, trừ một ba lô thừng chão bị tuột khỏi tay một người Iceland, lăn xuống đáy vực.   
Đến trưa chúng tôi xuống đến nơi. Ngẩng đầu lên tôi thấy miệng phễu đóng khung một khoảnh trời tròn vành vạnh. Ở một điểm, đỉnh Scartaris nhọn hoắt chĩa thẳng lên khoảng không bao la.   
Ở đáy miệng núi lửa mở ra ba đường ống qua đó khí và dung nham của thời kì phun trào xa xưa đã tuôn ra từ lò lửa trung tâm. Đường kính mỗi ống rộng khoảng một trăm bộ, rộng toang hoác dưới chân chúng tôi khiến tôi phải nhắm mắt lại không dám nhìn xuống. Giáo sư Lidenbrock khảo sát chớp nhoáng ngay cách bố trí của những miệng ống đó.   
Bỗng giáo sư Lidenbrock kêu thét lên một tiếng! Tôi ngỡ chú tôi bị hụt chân, lăn nhào xuống một cái vực nào rồi! Nhưng không phải, ông đang đứng trước một khối đá granit to ở giữa miệng núi lửa. Chú tôi đang trong tư thế một người sửng sốt, mà lại kinh ngạc sắp chuyển sang nỗi mừng vui điên dại. Ông hét lên:   
- Axel! Axel! Lại đây! Lại đây mau lên!   
Tôi vội chạy ào tới. Hans cũng như ba người Iceland, chẳng ai nhúc nhích.   
- Nhìn đây! – giáo sư nói với tôi – Cháu hãy nhìn đây!   
Tôi sửng sốt nhìn thấy trên mặt phía tây của khối đá có khắc một dòng chữ Runique mà thời gian đã làm mờ đi, đó là tên của nhà bác học Iceland thế kỉ XVI: Arne Saknussemm.   
- Arne Saknussemm! – chú tôi kêu lên lần nữa – Cháu còn nghi ngờ gì nữa không?   
Sự thật hiển nhiên khiến tôi rụng rời. Tôi lặng lẽ quay trở lại ngồi thẫn thờ trên tảng dung nham. Tôi đã ở trong tư thế ấy bao lâu không rõ, chỉ biết khi ngẩng lên tôi thấy chú tôi và Hans là hai người còn lại ở dưới đáy miệng núi lửa này. Những người Iceland đã từ biệt chúng tôi và giờ đây có lẽ họ đang xuống núi để trở về làng Stapi.   
Hans ngủ một giấc ngon lành dưới chân một khối đá. Giáo sư Lidenbrock không ngủ. Ông đi lại liên tục. Còn tôi, tôi không muốn và cũng chẳng còn sức để đứng dậy. Theo gương Hans, tôi thiu thiu ngủ mà trong lòng xót xa đau đớn. Tôi thấy hình như sườn núi Sneffels đang ì ầm rung động.   
Đêm đầu tiên dưới đáy miệng núi lửa qua đi như vậy. Hôm sau, một bầu trời xám xịt, nhiều mây và nặng nề đè lên đỉnh núi. Đêm tối dưới vực sâu cũng không đáng sợ bằng cơn giận của chú tôi! Tôi hiểu vì sao giáo sư nổi giận và một tia hi vọng bỗng lóe lên trong lòng tôi. Nguyên do thế này:   
Trong ba con đường mở ra dưới chân chúng tôi đây, chỉ có một đường Arne Saknussemm đã đi qua. Theo lời nhà bác học Iceland ghi trong bức mật thư, bóng đỉnh Scartaris lướt trên miệng núi lửa vào những ngày cuối tháng sáu sẽ xác định con đường ấy. Thật vậy, có thể xem đỉnh núi kia như cột so bóng của một đồng hồ mặt trời mà bóng của nó vào một ngày nhất định sẽ chỉ đúng con đường đi tới trung tâm trái đất.   
Như vậy, trời không nắng tức không có bóng núi, không có bóng núi sẽ chẳng biết đâu là con đường cần tìm. Hôm nay là ngày 25 tháng 6. Nếu trời cứ âm u như thế này trong sáu ngày nữa, thì cuộc thám hiểm phải dời sang năm sau.   
Một ngày trôi qua, không một bóng nắng nào xuất hiện. Hans vẫn ngôi yên tại chỗ. Có lẽ anh cũng tự hỏi không hiểu chúng tôi chờ đợi cái gì? Chú tô chẳng nói chẳng rằng, mắt đăm đăm nhìn lên bầu trời xám xịt mù sương.   
Ngày 26 vẫn không thấy mặt trời. Cả ngày, trời mưa lẫn với tuyết rơi. Hans dựng tạm một túp lều bằng mảnh dung nham. Tôi vui thích ngắm nhìn hàng ngàn thác nước kéo theo những tảng đá, ầm ầm chảy xối trên thành miệng phễu.   
Ngày hôm sau trời vẫn nhiều mây, nhưng đến chủ nhật 28 tháng 6 mặt trời hiện ra rực rỡ, ánh nắng tràn ngập trong miệng núi lửa. Mỗi mô đá, mỗi tảng đá và mỗi chỗ gồ ghề đều được phần ánh nắng và tức khắc in bóng lên mặt đất. Bóng đỉnh Scartaris được tô đậm như một mũi nhọn sắc cạnh, từ từ quay theo vầng mặt trời rực rỡ. Chú tôi cũng quay theo. Giữa trưa, bóng đỉnh Scartaris lướt nhẹ lên miệng ống khói trung tâm.   
- Đây rồi! – giáo sư Lidenbrock reo lên – Đây đúng là đường tới trung tâm trái đất!   
Tôi nhìn Hans. Anh bình thản nói:   
- Forut?   
- Phải! Tiến lên!   
Lúc ấy là một giờ mười ba phút.   
Cuộc thám hiểm thực sự bắt đầu. Cho đến giờ phút này, tôi vẫn chưa ngó ngàng tới cái giếng sâu không đáy mà tôi sắp dấn thân xuống. Đã tới lúc rồi đấy. Tôi vẫn còn có thể nhận hoặc từ chối lao vào cuộc thám hiểm nhưng thú thật tôi thấy hổ thẹn nếu chùn bước trước Hans. Anh ta đã chấp nhận cuộc thám hiểm một cách bình thản. Anh tỏ ra hoàn toàn dửng dưng với mọi nguy hiểm, khiến tôi đỏ mặt nghĩ rằng lẽ nào mình lại không dũng cảm bằng anh ta. Nếu chỉ có mình tôi, chắc tôi đã bỏ cuộc rồi, nhưng trước Hans tôi đành im lặng. Tôi bước lại gần ống khói trung tâm.   
Ống khói này có đường kính một trăm bộ. Đứng trên một mỏm đá, tôi cúi xuống nhìn mà rợn tóc gáy. Chỗ tôi đang đứng sao chênh vênh quá! Tôi cảm thấy trọng tâm đang chuyển dịch khỏi người và chóng mặt như say rượu. Tôi sắp ngã thì được Hans níu lại. Rõ ràng bài học về vực thẳm học trên tháp chuông nhà thờ Copenhagen, tôi không được thuộc lắm!   
Tuy chưa dám liều lĩnh quan sát kĩ lưỡng, tôi cũng phần nào nắm được hình thù của cái giếng ấy. Vách giếng dựng đứng, với nhiều mỏm đá nhô ra có thể bấu vào mà trèo xuống được, như vậy cầu thang thì có thừa duy chỉ thiếu tay vịn! Chỉ cần buộc một đầu dây thừng vào miệng ống khói là ta có thể bám vào để leo xuống, nhưng một khi xuống tới dưới làm sao gỡ được đầu thừng trên?   
Giáo sư Lidenbrock áp dụng một cách rất đơn giản, để giải quyết cái khó khăn ấy. Ông giở một cuộn thừng to bằng ngón tay cái, dài bốn trăm bộ, khoanh một vòng quanh một mỏm dung nham nhô ra rồi thả một nửa còn lại xuống ống khói. Mỗi người chúng tôi có thể nắm gộp cả hai nửa sợi thừng leo xuống mà không lo nó tuột. Một khi xuống được hai trăm bộ chỉ việc buông một đầu rồi kéo đầu kia là chúng tôi có thể thu thừng lại như cũ. Cứ tiếp tục như vậy cho tới khi chúng tôi chạm đáy núi lửa. Sau khi chuẩn bị xong xuôi, giáo sư nói:   
- Bây giờ xét đến khâu hành lý. Những đồ mang theo dễ vỡ sẽ được chia đều làm ba túi. Mỗi chúng ta chịu trách nhiệm vác một. Hans mang những đồ dùng và phần lương thực này. Axel mang một phân ba lương thực và vũ khí. Còn tôi, phần lương thực còn lại và những dụng cụ tinh vi.   
- Thưa chú, thế còn quần áo và đống dây thừng, thang dây này, ai sẽ chịu trách nhiệm đưa nó xuống?   
- Tự nó tụt xuống thôi!   
- Như vậy là sao ạ?   
- Cháu xem đây!   
Giáo sư mạnh dạn áp dụng một phương pháp táo bạo. Theo lệnh ông, Hans buộc hết đống đồ còn lại thành một kiện chắc chắn, rồi xô thẳng xuống vực. Chú tôi hài lòng cúi nhìn theo kiện hành lý rơi xuống cho tới khi nó mất hút, mới ngẩng đầu lên.   
- Nào, - chú tôi ra lệnh – đến lượt chúng ta lên đường!   
Sau khi vác vào lưng túi đồ dùng của mình, chúng tôi bắt đầu leo xuống theo thứ tự: Hans, giáo sư, rồi tiếp đến tôi. Tôi khom người, bám chắc lấy sợi thừng từ từ tụt xuống. Tôi chỉ lo lỡ không may hòn đá đặt chân bỗng bật khỏi hốc, liệu sợi thừng mỏng manh có chịu được sức nặng của ba người không? Tôi cố gắng dùng chân bám chặt vào những mỏm dung nhan nhô ra để giữ thăng bằng.   
Mỗi khi có một hòn đá trơn trượt nào đó lung lay dưới bước chân, Hans lại bình thản thông báo:   
- Gifakl!   
- Cẩn thận! – chú tôi nhắc lại.   
Sau một giờ, chúng tôi đặt chân lên một khối đá ăn sâu vào vách ống khói. Hans kéo một đầu dây thừng, đầu kia văng lên và sau khi tuột khỏi mỏm đá bên trên nó rớt xuống kéo theo những mẩu đá vụn.   
Chúng tôi tiếp tục leo xuống, và nửa giờ sau lại vượt được chừng hai trăm bộ nữa.   
Không hiểu trong khi leo xuống như vậy, có nhà địa chất học điên khùng nào để ý nhgiên cứu chất đất ở xung quanh hay không, chứ riêng tôi, tôi bỏ qua hết! Nhưng chắc chắn giáo sư có quan sát hay ghi chép vì ở mỗi chỗ dừng chân ông lại nói với tôi:   
- Càng đi chú càng thêm tin tưởng. Cách bố trí đất đai của núi lửa đã chứng minh lý thuyết của nhà bác học Davy hoàn toàn đúng. Chúng ta đang ở giữa tầng đất nguyên thủy, nơi đã xảy ra phản ứng hóa học kim loại bị đốt cháy, tác dụng với không khí và nước. Chú hoàn toàn phủ nhận hệ nhiệt độ trung tâm!   
Chú tôi vẫn giữ nguyên cái luận điểm ấy và tôi chẳng buồn tranh luận làm gì. Thấy tôi không nói gì cả, giáo sư lại cho là tôi tán đồng quan điểm của ông.   
Đoàn thám hiểm lại tiếp tục leo xuống. Sau ba giờ nữa, tôi vẫn chưa thấy đáy ống khói. Ngẩng lên tôi thấy vách giếng cứ thu hẹp dần. Càng xuống chúng tôi càng thấy tối và đã nghe rõ tiếng dội lại đùng đục của những hòn đá rơi chạm vào đáy giếng.   
Do cẩn thận ghi đúng số lần thao tác rút thừng nên tôi có thể biết một cách chính xác độ sâu đạt được và thời gian đã trôi qua. Tính ra chúng tôi đã lặp lại thao tác rút thừng mười bốn lần, mỗi lần nửa giờ, cộng mười bốn lần nghỉ giải lao, mỗi lần mười lăm phút. Chúng tôi xuất phát từ lúc một giờ, và bây giờ cũng phải mười một giờ đêm rồi! Còn về độ sâu cứ nhân mười bốn lần độ dài hai trăm bộ của nửa sợi thừng, tôi biết ngay đã xuống được khoảng hai ngàn tám trăm bộ.   
Vừa nghe Hans ra lệnh “Stop”, tôi khựng ngay lại. Chú tôi thông báo đã đến nơi. Tôi tụt xuống đứng cạnh bên ông hỏi:   
- Chúng ta đã tới đâu rồi ạ?   
- Tới đáy ống khói thẳng đứng.   
- Không có đường đi nữa sao?   
- Có chứ, chú thấy bên phải hình như có lối đi. Nhưng ngày mai hãy tính. Bây giờ ăn rồi ngủ một giấc đã.   
Ở dưới đáy vực này chưa đến nỗi tối đen hẳn. Chúng tôi mở túi lương khô ra ăn, rồi mỗi người tìm chỗ thoải mái trên mặt đá mà nằm. Tôi lập tức ngủ ngay.

Jules Verne

Cuộc du hành vào lòng đất

Chương 8

Trong lòng trái đất

Tám giờ sáng, ánh sáng ban ngày rọi xuống muôn ngàn mặt nhỏ của dung nham ở vách giếng rồi hắt ra như mưa sao, đánh thức chúng tôi. Ánh sáng này khá rõ, đủ để chúng tôi ngắm nhìn sự vật sung quanh.   
Vừa xoa hai bàn tay, giáo sư vừa hỏi tôi:   
- Sao? Axel, cháu thấy thế nào? Suốt thời gian sống trong ngôi nhà ở đường Konigstrasse, đã bao giờ cháu được ngủ ngon như ở dưới đáy ống khói này chưa? Ở đây không có tiếng xe, không còn nghe giọng giao của hàng rong cũng chẳng thấy vang vọng tiếng quát tháo của mấy bác lái đò ngang!   
- Đúng là ở dưới đáy giếng đây chúng ta được yên tĩnh, nhưng sự yên tĩnh này có cái gì đó thật đáng sợ!   
- Chưa chi cháu đã khiếp sợ, không hiểu sau này sẽ ra sao? – chú tôi kêu lên – Cháu nên biết chúng ta chưa tiến sâu vào lòng đất được bao nhiêu cả!   
- Chú nói vậy là sao?   
- Chú muốn nói chúng ta mới chạm tới mặt đất liền của đảo thôi. Cái ống khói thẳng đứng này kéo dài từ miệng núi lửa Sneffels xuống gần ngang mực nước mặt biển thì dừng lại.   
- Có chắc vậy không, thưa chú?   
- Chắc quá đi chứ! Hãy nhìn khí áp kế của cháu sẽ biết ngay.   
Thực vậy, cột thủy ngân trong khí áp kế cứ cao dần theo độ sâu mà chúng tôi thực hiện được, và dừng lại ở nấc hai mươi chín phút.   
- Cháu thấy đấy, chú tôi nói tiếp, chúng ta chỉ còn chịu áp suất một atmosphere. Chẳng mấy chốc, áp kế sẽ thay thế cái khí áp kế này.   
Đúng như vậy, chừng nào khối lượng của không khí vượt áp suất được tính ở mặt đại dương thì cái khí áp kế này sẽ không sử dụng được nữa.   
- Nhưng thưa chú, - tôi hỏi – nhưng nếu áp suất cứ tăng mãi làm chúng ta không chịu đựng nổi thì sao?   
- Cháu không phải lo. Chúng ta tụt xuống từ từ do đó phổi của chúng ta cũng sẽ từ từ quen dần với sự hít thở không khí bị nén chặt ấy. Lên đến những tầng không khí ở độ cao, những người điều khiển khí cầu có thể bị thếu dưỡng khí, chú chúng ta có khi lại dư quá mức ấy cháu ạ! Tuy nhiên, chú lại thích thế hơn. Thôi, không nên để mất thời gian vô ích. Còn hành lý đi vào lòng núi trước chúng ta ở đâu nhỉ?   
Tôi chợt nhớ chiều tối hôm qua chúng tôi tìm số hành lý ấy mãi nhưng không thấy. Chú tôi hỏi Hans. Sau khi chăm chú quan sát bằng cặp măt tinh tường của một thợ săn, anh ta đáp:   
- Der huppe!   
- Ở trên kia kìa!   
Đúng vậy, các hành lý vị mắc vào một mô đá nhô ra ở cao trên vách ống khói cách đầu chúng tôi chừng một trăm bộ. Hans thoăn thoắt leo lên và chỉ mấy phút sau hành lý đã nằm dưới chân chúng tôi.   
- Bây giờ chúng ta ăn bữa sáng, - chú tôi nói – nhưng phải ăn cho thật no vì cuộc du hành còn dài lắm!   
Ăn xong, giáo sư Lidenbrock rút ra một quyển sổ nhỏ dùng để ghi chép những điều quan sát được. Ông nhấc hết cái nọ đến cái kia những dụng cụ chính xác và ghi vào sổ những dữ kiện sau đây:   
Thứ hai, ngày 29 tháng 6.   
- Đồng hổ chỉ 8 giờ 17 phút sáng.   
- Khí áp kế: 29 phút   
- Nhiệt kế: 6 độ   
- Hướng: Đông đông nam. Đông đông nam là hướng của đường hầm tối.   
Ghi chép xong, giáo sư phấn khởi nói:   
- Axel này, bây giờ chúng ta mới thực sự đi sâu vào lòng trái đất. Bây giờ mới đúng là lúc cuộc thám hiểm của chúng ta bắt đầu.   
Nói xong chú tôi nâng máy phát điện đeo ở cổ lên, đấu dòng điện với bóng đèn, lập tức một làn ánh sáng chói lọi chiếu sáng đường hầm. Hans cũng cho chạy máy phát sáng của mình. Sự ứng dụng tài tình này của điện tạo ánh sáng ngay cả trong những môi trường các chất khí dễ cháy, giúp chúng tôi đi được lâu dài. Giáo sư Lidenbrock ra lệnh:   
- Lên đường!   
Mọi người khoác ba lô của mình. Hans có nhiệm vụ đẩy kiện quần áo và thừng chão lăn đi trước. Chúng tôi bước vào đường hầm, tôi đi sau cùng.   
Trước khi dấn mình trong hành lang tối om đó, tôi ngẩng lên và qua khoảng trống của miệng ống khổng lồ tôi ngắm lần cuối cùng bầu trời Iceland, mà có lẽ tôi chẳng bao giờ được thấy lại nữa.   
Trong đợt phun trào lần chót vào năm 1229, dung nham đã vạch một lối xuyên qua đường hâm fnày và trát lên quanh vách một lớp dày, lóng lánh. Ánh sáng điện phản chiếu lên đó càng thêm sáng rực rỡ.   
Cái khó của đường đi bây giờ chỉ là giữ sao cho khỏi bị trượt quá nhanh xuống cái dốc nghiêng khoảng 45 độ ấy. May thay cũng lắm chỗ lồi lên lõm xuống, chúng tôi chỉ việc lần theo những bậc thang thiên nhiên đó và bằng một sợi thừng dài, giữ cho hành lý tự tụt xuống.   
Phải nói là chúng tôi trượt mới đúng vì chúng tôi buông mình trườn xuôi trên con dốc chẳng mệt nhọc gì cả. Tôi luôn theo dõi địa bàn, kim nam châm một mực chỉ hướng đông nam. Cái dòng dung nham này chảy theo một đường thẳng tắp.   
Trong khi đó nhiệt độ không tăng lên mấy. Điều đó càng chứng tỏ lý thuyết của nhà bác học Davy là đúng. Một lần nữa tôi ngạc nhiên kiểm tra lại nhiệt kế. Từ lúc đi tới giờ đã hai giờ, mà nhiệt kế mới chỉ 10 độ nghĩa là nhiệt độ chỉ mới tăng hơn có 4 độ. Điều này khiến tôi có nhận xét: chúng tôi đi ngang nhiều hơn là đi xuống? Còn muốn biết chính xác độ sâu đạt được cũng chẳng khó lắm. Giáo sư có đo một cách chính xác góc độ lệch và góc độ nghiêng của đường đi nhưng những kết quả quả quan sát này chỉ có mình ông biết thôi.   
Đến tám giờ tối, giáo sư Lidenbrock ra hiệu dừng chân. Hans liền ngồi ngay xuống. Chúng tôi đang ở dưới một vòm hang, ở đó không đến nỗi thiếu không khí lắm. Trái lại, có vài làn gió thổi tới chỗ chúng tôi. Do sự khuấy động khí quyển nào và tại sao có gió, trong lúc này tôi chẳng suy luận được nữa. Hành trình xuống dốc liên tục trong bảy giờ đâu phải mất ít sức lực! Tôi đã mệt đừ. Khi nghe hiệu lệnh dừng chân, tôi tỉnh cả người. Hans bày đồ ăn lên một tảng dung nham. Đoàn thám hiểm chúng tôi ăn rất ngon miệng. Nhưng một điều làm tôi lo lắng là chúng tôi đã uống hết phân nửa số nước dự trữ mang theo. Chú tôi tính sẽ lấy nước ở những nguồn nước ngầm để bổ sung, nhưng đến giờ này vẫn không gặp một con suối nào cả. Tôi bèn nhắc nhở giáo sư về vấn đề này.   
- Không gặp nguồn nước cháu ngạc nhiên lắm sao? – chú tôi hỏi.   
- Thưa chú, cháu chỉ lo thôi! Chúng ta chỉ còn đủ nước uống trong năm ngày!   
- Cháu hãy an tâm. Đảm bảo sẽ tìm được nước uống, nhiều nữa là đằng khác!   
- Bao giờ hả chú?   
- Chừng nào chúng ta rời khỏi cái vỏ dung nham này.   
- Nhưng nếu dòng dung nham này kéo dài mãi thì sao? Mà hình như chúng ta chưa xuống được tới đâu cả!   
- Ai nói với cháu vậy?   
- Nếu đã xuống được sậu trong vỏ trái đất ta phải thấy nóng hơn chứ ạ.   
- Đấy là theo luận điểm của cháu. Nhiệt kế hiện đang chỉ bao nhiêu độ?   
- Gần 15 độ. Như vậy tính từ lúc khởi hành mới tăng có 9 độ.   
- Vậy cháu kết luận thế nào?   
- Theo cháu, qua những quan sát chính xác nhất, cứ sâu xuống một trăm bộ trong lòng đất, nhệt độ sẽ tăng lên 1 độ. Tuy vậy, tùy điều kiện từng nơi con số này có thể thay đổi. Rõ ràng điều đó phụ thuộc vào tính dẫn nhiệt của đất đá. Cứ tạm coi giả thuyết cuối cùng này là khả dĩ nhất, ta thử tính toán xem…   
- Cháu cứ tính đi.   
- Vâng, vừa nói tôi vừa đặt ngay bài toán vào trong sổ tay, chín lần một trăm hai mươi lăm bộ bằng một ngàn một trăm hai mươi lăm bộ.   
- Đúng!   
- Chú nói sao ạ?   
- À, theo những quan sát của chú, chúng ta đã xuống sâu dưới mực nước biển mười nghìn bộ!   
- Thật vậy sao?   
- Đúng, cháu ạ. Con số bao giờ cũng vẫn là con số!   
Chú tôi đã tính đúng, chúng tôi đã xuống sâu hơn bất kỳ con người nào trước đây tới sáu ngàn bộ. Ở độ sâu ấy, lẽ ra nhiệt độ phải là 81 độ thì cột thủy ngân trong nhiệt kếu của chúng tôi lại mới lên tới 15 độ. Vấn đề này phải cần đặc biệt suy ngẫm.   
Sáu giờ sáng, thứ ba 30 tháng 6, đoàn thám hiểm lại lên đường.   
Chúng tôi vẫn đi xuống theo đường hầm dung nham, một đoạn đường dốc tự nhiên, thoai thoải. Đường sá cứ như vậy cho tới mười hai giờ mười bảy phút, và khi chúng tôi theo kịp Hans cũng là lúc anh dừng lại.   
- A! – giáo sư Lidenbrock reo lên – Chúng ta đã tới cuối ống khói!   
Nhìn quanh, tôi thấy mình đang đứng giữa một ngã ba, nơi có hai đường hầm hẹp và tối đổ vào. Điều khó khăn bây giờ là không biết lên theo con đường nào? Nhưng không muổn tỏ ra lưỡng lự trước mặt tôi và Hans, giáo sư liên chỉ ngay đường hầm hướng đông. Ba chúng tôi bèn đi sâu vào lối ấy. Vả lại có lưỡng lự cả ngày cũng không biết lên chọn đường nào vì có vết tích gì xác định con đường nên đi theo đâu! Bắt buộc phải chọn lựa may rủi thôi!   
Đường hầm mới ít dốc, mặt cắt của nó lại không đều. Được một dặm, chúng tôi phải đi lom khom dưới những vòm thấp với những cột và chân vòm ăn sâu vào đá. Ở nhiều chỗ cấu trúc này được thay thế bằng những đường hầm thấp rất hẹp khiến chúng tôi phải trườn mới qua được.   
Nhiệt độ vẫn giữ ở mức chịu đựng được. Vô tình, tôi nghĩ dung nham đã từng ầm ầm chảy qua con đường yên tĩnh này để phun ra miệng núi lửa Sneffels, cứ tưởng tượng những dòng thác lửa và khí nóng bỏng ào ào xối vào những ngóc ngách của đường hầm và bị nghẽn lại ở những quãng hẹp này mà rùng mình. Tôi nghĩ thầm:   
“Mong rằng cái núi lửa đã ngưng hoạt động này đừng bỗng dưng giở chứng!”   
Những suy nghĩ này tôi không tâm sự cùng giáo sư. Giáo sư cũng không thông cảm với tôi, vì giờ đây trong đầu ông chỉ có duy nhất một ý nghĩ là tiến lên: ông đi, ông trượt, ông lao xuống với cả một niềm tin đáng kính phục!   
Tới sáu giờ chiều, sau một cuộc hành trình khá mệt, chúng tôi đã đi về hướng nam được hai dặm, nhưng chẳng xuống sâu được bao nhiêu! Giáo sư Lidenbrock ra hiệu dừng lại nghỉ. Chúng tôi vừa ăn vừa trò chuyện qua quýt rồi lăn ra ngủ chẳng lo lắng gì. Chúng tôi không lo giá lạnh cũng chẳng sợ ai quấy rầy. Những nhà thám hiểm giữa sa mạc châu Phi hay nơi rừng thẳm châu Mỹ, đêm đêm bắt buộc phải kẻ ngủ người thức để canh phòng, nhưng ở đây tuyệt đối an toàn và yên tĩnh, khỏi phải lo bị các giống người man rợ hay mãnh thú hãm hại.   
Hôm sau, chúng tôi thức dậy khỏe khoắn và khoan khoái. Cuộc hành trình lại tiếp tục. Đoàn thám hiểm tiến lên theo con đường dung nham như hôm trước. Không tài nào phân biệt được chất đất ở những nơi đường đi qua. Đáng lẽ thọc sâu xuống lòng đất, đường hầm lại có nhiều hướng ăn ngang. Hơn nữa, tôi còn nhận thấy có có vẻ xiên chếch lên mặt đất. Đến mười giờ sáng, khuynh hướng ấy cang rõ rệt làm chúng tôi mệt nhọc và bắt buộc phải chậm bước. Giáo sư Lidenbrock sốt ruột nhắc nhở tôi:   
- Thế nào Axel?   
- Cháu không chịu được nữa rồi!   
- Hả? Mới dạo chơi có ba giờ trên một con đường dễ đi như vậy mà cháu đã như thế rồi sao?   
- Cháu không nói đường khó đi, cháu chỉ bảo là nó làm cháu mệt quá thôi!   
- Xuống dốc đều đều như vậy ma cũng mệt sao?   
- Thưa chú, chúng ta leo lên dốc thì có!   
- Leo dốc! Cháu nói gì kỳ vậy?   
- Đúng thế đấy chú ạ. Từ nửa giờ qua, hướng dốc đã thay đổi. Cứ đà này, chắc chắn chúng ta sẽ quay trở lại đất Iceland!   
Giáo sư Lidenbrock lắc đầu không tin tôi. Tôi cố gắng bắt chuyện lại nhưng giáo sư không nói năng gì cả. Ông ra lệnh đi tiếp. Sự im lặng của giáo sư rõ ràng nói lên tâm trạng bực bôi mà ông cô nén.   
Tuy vậy tô vẫn dũng cảm khoác ba lô lên vai và nhanh nhẹn bước theo Hans và chú tôi. Tôi cố sức bám sát và không để lạc mất họ. Tôi chỉ sợ bị lạc trong cái đường hầm chằng chịt sâu thẳm này.   
Hành trình ngược dốc càng đi càng vất vả. Tôi tự an ủi rằng con đường này sẽ đưa tôi lên mặt đất.   
Tới trưa, cấu trúc vách đường hầm có sự thay đổi. Tôi nhận thấy ánh sáng điện chiếu lên vách hắt ra mờ mờ hơn trước. Đó là do đá trơ đã thay thế lớp vỏ dung nham. Chúng tôi đang đứng giữa tầng đất đá của thời kì chuyển tiếp.   
- Rõ ràng quá rồi, - tôi thốt lên – chúng ta đang đứng giữa thời kì xuất hiện những động vật và những cây cỏ đầu tiên.   
- Cháu tưởng như vậy à!   
Tôi ép giáo sư rọi ngọn đèn lên vách đường hầm rồi ngóng chờ tiếng kêu của ông. Nhưng ông vẫn im lặng và tiếp tục lên đường. Rõ ràng chúng tôi đã bỏ con đường dung nham và đường đoàn thám hiểm đang đi không thể dẫn tới lò lửa của núi Sneffels! Tuy vậy tôi cũng tự hỏi không hiểu mình có quan trọng hóa vấn đề thay đổi của đất đai hay không? Liệu tôi có nhầm lẫn không?   
- Nếu mình có lý, - tôi nghĩ thầm – thế nào mình cũng tìm được vài mảnh vụn thực vật nguyên thủy!   
Đi được khoảng trăm bước những chứng cứ không thể trối cãi đã bày ra trước mắt tôi. Đôi chân tôi đã quen với nền dung nham cứng, bỗng dưng đạp trên đất bụi, tàn tích của thực vật và vỏ sò, vỏ ốc. Trên vách đường hầm, hiện ra một cách rõ ràng dấu in của tảo sừng hươu và của thạch tùng. Nhưng giáo sư vẫn làm ngơ và tiến lên.   
Không chịu nổi tháy độ này của giáo sư tôi bèn nhặt một vài vỏ cứng hoàn toàn nguyên vẹn của một động vật giáp xác, và đưa cho ông:   
- Chú ơi, - tôi nói – chú xem này.   
- Có gì lạ đâu, - giáo sư thản nhiên đáp – đây là vỏ cứng một loài tôm cua thuộc bộ bọ ba thùy đã hóa thạch.   
- Chú không rút ra kết luận gì sao?   
- Thế cháu đã rút ra được kết luận gì? Riêng chú, chú xác định chúng ta rời khỏi lớp granit và con đường dung nham. Có thể chú đã lầm, nhưng chú chỉ khẳng định sai lầm này một khi đã đi tới cuối đường hầm.   
- Thưa chú, chú hành động như vậy là đùng. Cháu rất tán thành nếu như không có một mối nguy hiểm đang ngày càng đe dọa chúng ta.   
- Cháu muốn nói mối nguy hiển nào?   
- Thiếu nước uống!   
- Nếu vậy chúng ta chỉ cần uống ít lại!   
Đúng là chúng tôi phải uống ít lại thôi, vì lượng nước dự trữ còn đủ dùng trong hơn ba ngày. Tôi được biết điều này khi ăn bữa tối. Chúng tôi rất mong gặp một nguồn nước, nhưng ở giữa tầng đất thuộc thời kì chuyển tiếp này hi vọng đó thật mỏng manh. Suốt cả ngày hôm sau những vòng cung của vòm cuốn đường hầm bày ra như không bao giờ hết trước chúng tôi. Đoàn thám hiểm bước đi trong im lặng, tính ít nói của Hans đã lây sang chúng tôi.   
Tôi nhận thấy đường không đi lên nữa, mà ở vài chỗ còn có vẻ xuôi xuống. Điều này vẫn không làm cho giáo sư yên tâm, bởi tính chất của những lớp đất đá vẫn không thay đổi va thời kì chuyển tiếp càng được khẳng định.   
Tuy vậy giáo sư Lidenbrock vân không để ý tới. Ông chỉ chờ đợi hai việc: hoặc có một cái giếng thẳng đứng mở ra dưới chân tạo điều kiện cho ông đi sâu xuống, hoặc gặp một vật chướng ngại cản không cho ông đi tiếp con đường này nữa. Nhưng mãi đến chiều tối vẫn không gặp một sự việc nào như vậy cả.   
Thứ sáu, qua một đêm bắt đầu bị cơn khát dằn vặt, đoàn thám hiểm lại tiến sâu vào những ngóc ngách của đường hầm. Sau mười giờ đi bộ, tôi bỗng nhận thấy ánh đèn phản chiếu trên vách mờ hẳn đi, chúng tôi đang đứng giữa một mỏ than đá.   
- A! Một mỏ than! – tôi reo lên.   
- Một mỏ than không có thợ mỏ! – giáo sư nói – Đến giờ ăn chiều rồi. Nghỉ đã.   
Hans dọn thức ăn. Tôi chỉ ăn qua loa và uống vài giọt nước cần chừng. Tất cả dự trữ nước của chúng tôi chỉ còn lưng nửa bình được Hans đeo bên mình. Ăn uống xong, giáo sư và chàng thợ săn vịt biển lăn ra ngủ để lấy lại sức. Riêng tôi nằm trằn trọc cho đến sáng.   
Sáu giờ sáng thứ bảy, đoàn lại lên đường. Hai mươi phút sau, chúng tôi tới một cái hang cao rộng mênh mông. Do một chần động ngầm dữ dội nào đó, đất đai ở đây bị giãn, bị thúc ép và nong ra thành một cái hang rộng. Trên những bức vách đen sẫm, nhà địa chất học dễ dàng đọc được toàn bộ lịch sử kỷ than đá.   
Tôi vẫn cùng đoàn thám hiểm tiến bước. Nhiệt độ xung quanh vẫn dễ chịu. Tôi bỗng phát hiện trong đường hầm nồng nặc mùi cacbour hydro, còn gọi là khí mỏ. Chất khí này khi nổ gây ra những thảm họa khủng khiếp. Cũng may chúng tôi sử dụng máy phát điện chứ nếu dùng đuốc soi đường thì…   
Cuộc dạo chơi trong mỏ than kéo dài đến chiều tối. Giáo sư Lidenbrock đang nóng ruột thì bỗng đâm sầm vào một bức tường đá chắn ngang đường. Chúng tôi đã gặp phải một ngõ cụt.   
- Thôi thế cũng may, - giáo sư nói – ít ra cũng xác định được đây không phải đường ông Saknussemm đã đi qua. Đành phải nghỉ lại đây một đêm, sáng mai chúng ta sẽ quay lại con đường rẽ hai.   
- Cầu trời cho chúng ta còn đủ sức dể lểt được về tới đó. – tôi nói.   
- Tại sao lại không còn sức nhỉ?   
- Thưa chú, vì ngày mai chúng ta không còn một giọt nước nào cả!   
- Này Axel, - giáo sư nghiêm khắc nói – đúng là nước dự phòng đã cạn, nhưng chẳng lẽ dũng khí trong người chúng ta cũng hết theo sao?   
Tôi hổ thẹn, cúi mặt và im lặng.   
Hôm sau, chúng tôi lên đường thật sớm. Phải khẩn trương vì từ đây tới con đường rẽ hai ấy, nhanh nhất cũng phải mất năm ngày đường.   
Tôi không kể lể dông dài về những nỗi khổ của đoạn đường quay trở lại. Giáo sư Lidenbrock chịu đựng với cả sự tức giận cảu một người biết rằng mình đã quyết định sai. Hans chấp nhận nó một cách lặng lẽ như anh đã tiếp nhận mọi chuyện trên đời. Còn tôi, phải thú nhận là đã hết hy vọng nên cứ rên rỉ than vãn hoài, điều rủi ro ấy đã làm cho tôi mất hết sự hăng hái.   
Như tôi đã báo trước, tới cuối ngày thứ nhất lượng nước dự trữ đã hết sạch. Chỉ còn một ít rượu gin, nhưng rượu càng làm cháy cổ thêm! Tôi thấy nóng bức ngột ngạt và đờ ra vì mệt. Đôi lúc tôi suýt ngã xuống ngất đi. Đoàn thám hiểm đành phải dừng lại. Giáo sư và Hans hết sức an ủi tôi. Tôi cũng thấy chú tôi đã kiệt sức và khát lắm rồi.   
Sau cùng, vào hôm thứ ba ngày 8 tháng 7, chúng tôi bò về được tới điểm gặp nhau của hai đường hầm trong cảnh nửa sống nửa chết. Tôi nằm lăn ra sóng soài trên nền dung nham. Lúc đó là mười giờ sáng. Chú tôi và Hans dựa vào vách hầm cố sức ăn mấy mẩu lương khô. Đôi môi sưng vều của tôi thả ra mấy tiếng rên rỉ rồi thiếp đi.   
Một lúc sau, chú tôi lại gần và đỡ tôi dậy, ông thì thầm với vẻ thương hại:   
- Tội nghiệp thăng bé!   
Nghe những lời đó tôi sung sướng biết bao, vì tôi chưa từng được thấy vị giáo sư nghiêm khắc này bày tỏ tình cảm của mình. Tôi liền nắm lấy đôi tay run rẩy của ông. Chú tôi nhìn tôi, rơm rớm nước mắt, rồi từ từ nâng cái bình nước đeo bên mình,áp vào môi tôi và nói:   
- Uống đi cháu!   
Tôi sửng sốt, không còn tin vào tai mình nữa. Hay chú tôi điên mất rồi? Tôi ngây mặt ra nhìn ông, trong lòng đầy nghi hoặc.   
- Uống đi Axel! – chú tôi nhắc lại.   
Nói xong, ông nghiêng bình dốc hết nước vào miệng tôi. Lúc đó tôi sung sướng làm sao! Miệng tôi đầy nước trong giây lát, cơn khát dịu xuống. Tôi chắp tay lại, cảm ơn chú tôi.   
- Phải, - giáo sư nói – chỉ một ngụm nhưng là ngụm nước cuối cùng. Cháu nghe rõ chứ? Ngụm nước cuối cùng mà chú đã cẩn thận giữ lại ở đáy bình. Chú đã thèm nó một cách kinh khủng, biết bao lần chú định uống nhưng cưỡng lại. Axel, chú dành ngụm nước này cho cháu đấy!   
- Chú ơi! – tôi thì thầm, mắt rớm lệ.   
- Chú biết khi về đến đây thế nào cháu cũng kiệt sức nên chú cố giữ giọt nước cuối cùng này để làm cháu tỉnh lại.   
- Cháu cám ơn, cám ơn chú!   
Cái khát mới hơi dịu một chút tôi đã thấy khỏe hẳn lên. Các cơ bắp cổ họng đang bị co bỗng giãn ra, cặp môi nóng bỏng dịu đi. Tôi có thể nói thành lời.   
- Bây giờ thiếu nước uống, - tôi nói – chúng ta phải quay trở lại thôi, không còn cách nào khác đâu, chú ạ!   
Giáo sư im lặng cúi đầu.   
- Phải quay lại, - tôi kêu lên – trở lên ngọn Sneffels thôi, không còn cách nào khác đâu, chú ạ!   
Giáo sư im lặng cúi đầu.   
- Phải quay lại, - tôi kêu lên – trở lên ngọn Sneffels thôi! Cầu trời cho chúng ta còn sức để leo được lên miệng núi lửa.   
- Quay trở lại à? – giáo sư nói như là trả lời với chính mình hơn là nói với tôi.   
- Phải, trở về và đừng phí một giây phút nào cả!   
Cả ba im lặng một lúc khá lâu, bỗng giáo sư nói với một giọng rất lạ:   
- Axel này, chẳng lẽ những giọt nước ấy không làm cháu dũng cảm và thêm nghị lực chút nào sao?   
- Lòng dũng cảm?   
- Cháu vẫn tuyệt vọng như trước sao?   
Tôi không thể hiểu mình đang nói chuyện với một người như thế nào và cũng khó hình dung những ý đồ gì đang được hình thành trong cái đầu óc táo bạo ấy?   
- Chú không muốn quay trở lại à?   
- Rồi từ bỏ cuộc thám hiểm này đúng lúc sắp thành công à! Không bao giờ!   
- Nhưng chúng ta sẽ chết hết!   
- Không, Axel ạ! Chú không muốn thấy cháu chết đâu, Hans sẽ đưa cháu quay trở lại. Cứ để chú ở đây một mình!   
- Bỏ chú lại đây?   
- Cứ để chú ở lại! Chú bắt đầu cuộc phiêu lưu này và chú sẽ đi cho tới cùng, hoặc là sẽ không bao giờ trở về nữa. Axel, cháu hãy về đi! Hãy đi đi!   
Chú tôi nói trong trạng thái bị kích động cao độ. Giọng ông bỗng trở lên cứng rắn và đe dọa. Ông đang dồn hết nghị lực để cưỡng lại điều không thể làm được ấy. Tôi không muốn bỏ ông lại một mình dưới đáy vực thẳm này, nhưng bản năng sinh tồn lại thôi thúc tôi rời xa ông.   
Hans theo dõi cảnh này với vẻ thờ ơ cố hữu. Tuy vậy anh cũng chẳng hiểu điều gì ddang xảy ra với hai người bạn đường của anh. Những cử chỉ của chúng tôi chỉ khá rõ con đường khác nhau mà người này muốn cố lôi kéo người kia theo. Nhưng hình như Hans có vẻ quá lãnh đạm với vấn đề đang đe dọa số phận của mình, anh vẫn sẵn sàng lên đường khi có lệnh khởi hành và cũng sẵn sàng ở lại nếu ông chủ của anh muốn vậy.   
Làm thế nào để có thể kéo anh về phe của tôi? Tôi phải làm cho anh ấy thấy rõ những nguy hiểm mà anh không ngờ tới. Với hai người, chúng tôi sẽ có thể thuyết phục được vị giáo sư bướng bỉnh này. Nếu cần thiết, chúng tôi sẽ cưỡng bức ông quay trở lại ngọn Sneffels.   
Tôi bước lại gần Hans và đặt bàn tay lên vai anh ấy. Hans không nhúc nhích. Tôi giơ tay chỉ con đường ngược trở lại miệng núi lửa. Anh vẫn không động đậy. Khuôn mặt chờ đợi của tôi đã nói lên hết những nỗi đau khổ, nhưng anh chàng người Iceland chỉ khẽ lắc đầu, chỉ chú tôi và nói:   
- Master!   
- Ông chủ! – tôi kêu lên – anh điên à? Giáo sư không phải là ông chủ của đời anh không thể như vậy được! Phải trở lên. Phải mang ông ấy theo! Anh có nghe tôi nói không? Anh có hiểu tôi không?   
Tôi nắm lấy cánh tay Hans, định lôi anh đứng dậy. Thấy chúng tôi dằng co, giáo sư bước tới can thiệp:   
- Axel, hãy bình tĩnh nào! Cháu không thể bắt buộc anh ta làm theo ý của cháu đâu. Chú có lời đề nghị thế này, cháu hãy lắng nghe đây:   
Tôi khoanh tay lại và nhìn thẳng vào vị giáo sư với vẻ trờ đợi.   
- Cho đến nay những dự định của chú bị cản trở không thực hiện được là do thiếu nước uống. Trong đường hầm phía đông không gặp một tý nước nào cả! Giờ đây theo đường hầm phía tây có thể chúng ta gặp may hơn chăng?   
Thấy tôi lắc đầu với vẻ hoài nghi lộ ra mặt, giáo sư gằn giọng:   
- Hãy nghe chú nói hết đã. Lúc cháu ngất chú đã tranh thủ quan sát đường hầm phía tây. Đường hầm này đi sâu vào lòng đất, chẳng mấy chốc nó sẽ dẫn chúng ta tới lớp đá granit. Ở đây, chắc chắn chjúng ta sẽ gặp nhiều nguồn nước. Chắc chắn đây là con đường mà Saknussemm đã đi qua. Chú tin là trong vài giờ nữa nếu mình cố gắng đi tới sẽ gặp được nguồn nước, vì Saknussemm cũng cần nước như mình, ông ta đã qua được thì chắc chắn bên dưới đã có nước uống. Nhất định mình sẽ tìm thấy. Này xưa Chistophe Colomb lúc đi tìm đất mới thì thủy thủ đoàn đòi trở về, ông yều cầu thủy thủ đoàn cho ông thêm ba ngày nữa để tìm đất mới. Mặc dù ốm yếu, họ vẫn đành phải chấp thuận. Cuối cùng ông đã tìm ra Châu Mỹ. Chú chỉ yêu cầu cháu thêm cho chú một ngày nữa thôi. Nếu quá một ngày mà vẫn chưa gặp được nguồn nước, chú xin thề chúng ta sẽ quay trở lại mặt đất ngay lập tức!   
Mặc dù bực tức, tôi cũng rất xúc động trước những lời lẽ và cách nói dữ dội của chú tôi.   
- Thôi được rồi, - tôi kêu lên – cháu cũng đành chiều theo ý chú. Cầu trời phù hộ chú cái nghị lực siêu phàm của chú! Chú chỉ còn vài tiếng đồng hồ cầu may nữa thôi đấy. Chúng ta lên đường thôi!

Jules Verne

Cuộc du hành vào lòng đất

Chương 9

Tiếp tục đi xuống

Lần này, hành trình đi xuống lại băt đầu theo một đường hầm mới. Theo thói quen, Hans vẫn dẫn đầu. Chúng tôi đi chưa được trăm bước, giáo sư đã soi đèn dọc vách đường hầm và kêu lên:   
- Lớp đất nguyên thủy đây rồi! Chúng ta đi đúng đường rồi! Tiến lên!   
Ánh đèn chiếu lên khối đá, làm dội lại như những tia lửa đan chéo nhau từ mọi góc độ và tôi tưởng tượng mình đang du ngoạn trong một khối kim cương rỗng, giữa muôn vàn ánh sáng chói lọi.   
Đến sáu giờ chiều, tầng nham thạch trước đây vẫn sáng bóng, đã bắt đầu thay đổi. Vách hầm chuyển màu kết tinh sâm sẫm. Chúng tôi đang bị giam trong một nhà tù khổng lồ bằng đá hoa cương!   
Lúc ấy là tám giờ tối. Vẫn không có dấu hiệu của nước. Cơn khát hành hạ tôi đến kinh khủng. Giáo sư dẫn đầu đoàn thám hiểm không muốn dừng bước. Ông luôn gắng sức lắng nghe để tìm âm thanh róc rách của một con suối ngầm nào đó, nhưng cũng chẳng thấy gì. Tôi cố chống lại những cơn dằn vặt vì thiếu nước để khỏi bắt giáo sư phải dừng lại. Dừng lại bây giờ tức là bóp chết tia hy vọng cuối cùng đang còn le lói trong ông, vì ngày sắp hết, mà hôm nay lại là ngày gia hạn cuối cùng.   
Sau cùng, sức lực trong tôi cạn kiệt hẳn. Tôi kêu lên một tiếng, rồi gục xuống.   
- Cứu tôi với! Chết mất!   
Giáo sư Lidenbrock quay lại, khoanh tay nhìn tôi.   
- Thế là hết! – giáo sư lắc đầu kêu lên.   
Tôi thoáng thấy một cử chỉ giận dữ ghê người của chú tôi trước khi nhắm mắt lại.   
Khi tỉnh lại, tôi thấy hai người kia đang cuộn tròn trong chăn. Phải chăng họ đang ngủ? Về phần mình, tôi không tài nào chợp mắt được. Tôi đã phải chịu đựng quá sức mình! Những lời nói cuối cùng ấy của giáo sư còn văng vẳng bên tai tôi. Đúng là trong tình trạng yếu đuối như vậy thì cả đến việc quay trở lại mặt đất cũng không nên tính đến.   
Vài giờ sau. Quanh chúng tôi hoàn toàn tĩnh mịch, sự tĩnh mịch dưới một nấm mộ! Tuy vậy, khi đang thiu thiu ngủ, tôi bỗng nghe như có tiếng động. Và khi chăm chú nhìn vào đường hầm tối om, hình như tôi thấy Hans cầm đèn đi đâu mất. Tại sao anh ta lại bỏ đi? Hay anh ấy muốn bỏ rơi chúng tôi? Chú tôi vẫn đang ngủ say. Tôi bỗng muốn thét lên thật to, nhưng tiếng kêu không thể lọt qua đôi môi khô nẻ. Bóng tối càng thêm dày đặc và những tiếng động cuối cùng cũng lặng đi.   
- Hans bỏ chúng ta rồi! – tôi kêu lên – Hans! Hans ơi!   
Nhưng những âm thanh này chỉ vang lên trong tôi vì tôi đã quá kiệt sức. Tuy vậy, sau giây phút bàng hoàng đầu tiên ấy, tối cảm thấy xấu hổ vì đã nghi ngờ một con người mà từ trước đến nay không có điều gì đáng chê trách. Chắc chắn không phải Hans chạy trốn vì đáng lẽ leo ngược đường hầm anh lại đi xuống. Nếu có ý đồ xấu thì con đường anh theo phải hướng lên mặt đất chứ? Lập luận này khiến tôi vững tâm và bỗng quay về một ý nghĩ khác. Một con người như Hans, chắc phải có lý do nào đó nghiêm trọng lắm mới khiến anh bỏ cả giấc ngủ. Hay anh ta định thám hiểm một mình? Có thể trong đêm tĩnh mịch Hans đã nghe tiếng rì rào nào đó mà tôi không cảm nhận được?   
Suốt một giờ, tôi nằm trong bóng tối với những ý nghĩ quay cuồng trong trí. Có lẽ tôi sắp điên lên mất!   
Nhưng sau cùng, tôi nghe có tiếng bước chân vang. Hans đang quay trở lại. Ánh sáng mờ mờ bắt đầu lướt trên vách rồi lóe ra ở miệng đường hầm. Hans xuất hiện. Anh bước lại gần và khẽ lay chú tôi dậy.   
- Cái gì vậy? – giáo sư thức giấc hỏi.   
- Watten! – chàng thợ săn đáp.   
Phải chăng nỗi thống khổ dữ dội đã khiến người ta linh cảm mà biết được nhiều thứ tiếng nước ngoài? Một chữ Đan Mạch bẻ đôi cũng không biết vậy mà tự nhiên tôi bỗng hiểu rành rọt câu nói của Hans.   
- Nước! Nước! – tôi hoa chân múa tay reo hò như một người mất trí.   
- Nước à? Nước ở đâu? – giáo sư hỏi anh chàng người Iceland.   
- Nedat!   
- Ở đâu? Ở dưới kia! – bây giờ họ nói gì tôi cũng hiểu hết. Tôi nắm tay Hans và siết mạnh, nhưng anh vẫn im lặng nhìn tôi.   
Việc chuẩn bị lên đường không lâu và chẳng mấy chốc chúng tôi đã tiến xuống theo một hành lang khá dốc. Một giờ sau chúng tôi đã đi được khoảng một dặm và xuống sâu hai ngàn bộ. Nay lúc đó chúng tôi nghe rõ một âm thanh bất thường ì ầm âm vân như tiếng sấm rền xa, chạy trong vách đá. Đi thêm nửa giờ nữa vẫn không gặp nguồn nước ấy, tôi lại thấy lo sợ. Chú tôi liền giảng giải cho tôi rõ nguồn gốc những tiếng ì ầm này.   
- Hans không lầm đâu! – giáo sư nói – Âm thanh cháu vừa nghe thấy là tiếng sóng gầm của một con sông ngầm.   
- Một con sông à? – tôi kêu lên.   
- Không còn gì nghi ngờ nữa, có một dòng sông ngầm đang chảy ở quanh ta!   
Chúng tôi rảo bước. Hưng phấn quá độ vì hy vọng, tôi không còn cảm thấy mệt mỏi nữa. Tiếng nước chảy ào ào ấy đã làm tôi hết khát. Tôi luôn luôn sờ tay lên vách đá, hy vọng dò gặp chỗ nào ẩm ướt nhưng thật vô vọng.   
Thêm nửa giờ nữa trôi đi! Chúng tôi lại vượt nửa dặm đường nữa! Nhưng càng tiếp tục đi chúng tôi lại càng xa dòng sông vì tiếng nước chảy nghe nhỏ hơn. Chúng tôi bèn quay trở lại. Hans dừng lại đúng chỗ có vẻ gần dòng sông nhất. Anh ta cầm lấy đèn, tiến tới bức tường bằng đá granit. Tôi bước theo. Hans áp sát tai vào vách đá khô và cứ thế vừa nhích bước vừa hết sức chăm chú lắng nghe. Tô hiểu Hans đang tìm xem chính xác ở điểm nào nghe rõ tiếng nước chảy nhất. Anh bắt gặp điểm ấy ở vách trái đường hầm, cách mặt đất khoảng một bộ.   
Ôi! Thật xúc động tuy chưa đoán ra được ý định của anh! Nhưng khi thấy Hans cầm cuốc chim và bổ thẳng vào vách đá, tôi bỗng hiểu hết. Tôi vỗ tay hoan hô và bước tới ôm chầm lấy anh.   
- Thoát nạn rồi! – tôi reo lên – Chúng ta được cứu sống rồi!   
- Phải. – giáo sư cuồng nhiệt nói – Hans nghĩ đúng! Anh chàng này giỏi thật! Có vậy mà chúng ta không nghĩ ra!   
Hans liền băt tay vào việc. Hai chú cháu tôi do vụng về và nóng ruột nên những nhát cuốc bổ xuống chỉ làm cho những mảnh đá vụn bắn tứ tung. Ngược lại, anh chàng dẫn đường người Iceland bình tĩnh ôn hòa hơn. Với những nhát cuốc liên tục đục dần vào vách đá, anh đã khoét được một lỗ rộng khoảng nửa bộ. Tiếng nước chảy nghe rõ dần va tôi tưởng tượng dòng nước trong lành ấy đang tung tóe trên đôi môi khô nẻ của tôi.   
Công việc kéo dài hơn một giờ. Bỗng có một tiếng rít như xé không khí vang lên. Một tia nước phụt mạnh ra, bắn thẳng vào vách đá đối diện.   
Bị va mạnh, Hans loạng choạng suýt ngã và không nén nổi một tiếng kêu đau đớn! Tô bỗng hiểu điều đó khi thọc tay vào tia nước ấy. Tôi cũng phải rụt ngay tay lại và thét lên:   
- Oái! Nước sôi!   
- Lo gì, nó sẽ nguội thôi. – chú tôi nói.   
Hơi nươc tràn ngập hành lang. Một con suối được hình thành, chảy xuôi để rồi mất hút trong những khúc quanh của đường hầm. Một lát sau, chúng tôi múc nước uống ngụm đầu tiên.   
Không thể tả nổi cảm giác khoan khoái của chúng tôi lúc ấy! Chúng tôi cuông không ngừng nghỉ, khong cần e dè cũng chẳng cần để ý đó là nước gì, ở đâu tới! Chỉ biết đó là nước, dù nóng bỏng nhưng nó đã đem lại cho chúng tôi sinh lực đã bị cùng kiệt.   
- Chà, đã quá!   
- Ừ, chú cũng thấy vậy! Hans kiếm cho chúng ta một nguồn nước quý giá quá. Tôi đề nghị lấy tên Hans đặt tên cho dòng suối phục sinh này nhé! – chú tôi kêu lên.   
- Đồng ý! - Tôi trả lời.   
Và thế là chúng tôi lấy tên Hans đặt cho dòng suối: Suối Hans.   
Hans cũng chẳng lấy điều đó làm vinh dự, sau khi hết khát anh ngồi bình thản dựa vào vách đá.   
- Chú Lidenbrock, - tôi nói – bây giờ chúng ta không nên để nước chảy phí như vậy được!   
- Lo gì, - giáo sư nói - nguồn nước này chảy vô tận, làm sao hết được!   
- Tốt hơn hết ta cứ múc đầy bình, rồi tìm cách nút cái lỗ ấy lại! – tôi góp ý.   
Theo ý kiến của tôi, Hans lấy đá và vải vụn tìm cách chèn vào cái lỗ đó. Nhưng việc làm đó quả là không dễ dàng chút nào cả, nước thì sôi, áp suất lại quá cao nên chúng tôi bị phỏng hết cả tay mà vẫn phải chịu thua!   
- Tại sao lại cố nút cái lỗ ây làm gì nhỉ?   
Tôi còn đang lúng túng tìm lý do thì giáo sư Lidenbrock đã nói tiếp:   
- Một khi những bình nước của chúng ta lại cạn khô, liệu có tìm ngay được nguồn nước khác để bổ sung không?   
- Chưa chắc chú ạ!   
- Vậy cứ để mặc cho nó phun, dòng nước này sẽ chảy xuôi một cách tự nhiên để dẫn đường và giải khát cho chúng ta có phải hơn không?   
- Ý kiến hay! – tôi kêu lên – Có dòng suối này làm bạn đường thì chẳng có lý do gì mà cuộc thám hiểm của chúng ta không thành công.   
- À, hóa ra sau cùng cháu cũng bắt đầu tin chú. – chú tôi vừa cười vừa nói – Nhưng chúng ta hãy nghỉ ngơi đã.   
Nhìn đồng hồ tôi mới sực nhớ là đang giữa đêm khuya. Và ngay lập tức chúng tôi đánh một giấc say cho đến sáng.   
Hôm sau, chúng tôi đã quên hết những nỗi khổ đã qua. Tôi bỗng ngạc nhiên và không hiểu sao mình lại không còn khát nữa! Dòng suối chảy róc rách dưới chân tôi giải đáp tất cả!   
Chúng tôi ăn sáng rồi uống dòng nước tuyệt vời ấy. Tôi cảm thấy khỏe khoắn, hoạt bát hẳn lên và quyết định sẽ đi đến cùng. Đó là những ý nghĩ đẹp vừa nhen nhúm lên trong tâm trí tôi. Giáo sư nhắc lại đề nghị của tôi là quay trở lên đỉnh Sneffels, nhưng tôi đã phẫn nộ cự tuyệt, giờ đây tôi chỉ tính chuyện đi sâu xuống thôi!   
- Tiến lên! – tiếng hô đầy phấn khởi của tôi vang vọng giữa khoảng không gian sâu thẳm của trái đất.   
Cuộc hành trình lại tiếp tục.   
Đúng tám giờ sáng ngày thứ năm, đường hầm bỗng xuất hiện nhiều chỗ quẹo bất ngờ, hành lang đá hoa cương quanh co như trong mê cung, nhưng nó vẫn theo một hướng chính là hướng đông nam. Giáo sư Lidenbrock luôn cẩn thận xem địa bàn để nhận xét con đường đang đi.   
Giáo sư còn luôn miệng càu nhàu vì con đường cú đi ngang mãi. Theo ông, đúng lý phải trượt thẳng theo đường bán kính của trái đất thì đường hầm lại kéo dài vô tận theo đường ngang. Nhưng dù cho giáo sư có cằn nhằn thì con đường hướng vào tâm trái đất cứ đều như vậy thì cũng đành phải chịu thôi.   
Tóm lại, hôm ấy và cả ngày hôm sau chúng tôi đi ngang nhiều hơn là xuống. Chiều thứ sáu ngày 10 tháng 7, theo tính toán của chúng tôi thì chúng tôi đã đi cách xa thủ đô Reykjavik khoảng ba mươi dặm về phía đông nam và đã xuống sâu được hai dặm rưỡi.   
Rồi đột nhiên dưới chân chúng tôi mở ra một cái giếng sâu thăm thẳm. Giáo sư Lidenbrock không khỏi vỗ tay reo ầm lên khi tính toán độ dốc đứng của thành giếng.   
- Cái giếng này sẽ đưa chúng ta đi xa đây! Với những bờ đá nhô ra như cầu thang thế kia đường xuống chắc cũng dễ thôi.   
Hans chuẩn bị dây thừng khá chu đáo để đề phòng mọi tai nạn. Đoàn thám hiểm bắt đầu leo xuống. Ít nhiều cũng đã quen với những thử thách như vậy nên tôi thấy việc này cũng chẳng có gì nguy hiểm cả!   
Cái giếng là một khe hẹp trổ giữa những khối đá, do khi nguội lạnh sườn trái đất co lại tạo thành. Chúng tôi xuống theo một đường xoắn ốc tự nhiên mà cứ ngỡ do bàn tay con người tạo nên! Cứ mười lăm phút chúng tôi lại phải dừng lại nghỉ giải lao và để cho các khớp tay, khoeo chân lấy lại độ dẻo dai. Chúng tôi ngồi luôn trên một bờ đá nào đó, chân buông thõng, vừa ăn vừa trò chuyện và uống nước suối.   
Ngày 11 và 12 tháng 7, chúng tôi vẫn theo đường xoắn ốc của cái giếng này, đi thêm được hai dặm nữa sâu vào vỏ trái đất, tổng cộng gần năm dặm dưới mực nước biển. Đến trưa ngày 14, cái giếng vẫn theo hướng đông nam và đã bớt dốc, độ nghiêng khoảng bốn mươi lăm độ. Đường trở lên dễ đi hơn và hoàn toàn đơn điệu.   
Cuối cùng, thứ tư ngày 15, chúng tôi đã ở cách núi Sneffels khoảng năm mươi dặm và sâu bảy dặm dưới mặt đất. Mặc dù khá mệt nhưng sức khỏe của cả đoàn chúng tôi vẫn trong trạng thái khá tốt và túi thuốc cấp cứu mang theo vẫn chưa ai động đến.   
Giáo sư Lidenbrock liên tục ghi lại những số liệu chỉ báo của địa bàn, đồng hồ, áp ké và cả nhiệt kế. Với những ghi chép ấy giáo sư có thể biết một cách dễ dàng mình đang ở chỗ nào trong lòng đất. Khi được chú tôi cho biết đoàn thám hiểm đang ở cách núi lửa Sneffles năm mươi dặm, tôi không kìm được một tiếng kêu sửng sốt.   
- Cháu làm sao vậy? – chú tôi hỏi.   
- Dạ… Nếu những tính toán của chú chính xác thì chúng ta không còn ở dưới vùng đất Iceland nữa!   
- Có chắc vậy không?   
- Muốn kiểm tra xem có đúng hay không thì đâu có gì khó!   
Tôi bèn lấy compa đo luôn trên bản đồ.   
- Cháu đã nói là đúng vậy mà. – tôi nói – Với năm mươi dặm ấy chúng ta đã vượt qua mũi Portland và đang ở giữa đại dương.   
- Phải nói là ở dưới đáy đại dương chứ! – chú tôi xoa hai tay vào nhau nói.   
- Ái chà! – tôi reo lên – Thì ra đại dương đang ở trên đầu chúng ta!   
- À, có gì lạ đâu!   
Với giáo sư Lidenbrock thì mọi hoàn cảnh đều đơn giản, nhưng riêng tôi cứ lo sợ mãi khi biết mình đang đi bên dưới khối nước mênh mông của biển cả. Nhưng tôi cũng đã nhanh chóng làm quen với ý nghĩ ấy vì hành lang vẫn giữ hướng đông nam, và dốc xuống đều đều, lúc thăng tắp lúc khúc khuỷu, với những chỗ dốc và chố ngoặt thất thường, đưa chúng tôi xuống rất sâu một cách nhanh chóng.   
Bốn hôm sau, chiều thứ bảy ngày 18 tháng 7, đoàn thám hiểm chúng tôi bỗng tới được một cái động khá lớn. Giáo sư Lidenbrock thanh toán cho anh chàng thợ săn vịt biển người Iceland tiền công hàng tuần. Giáo sư cũng quyết định luôn ngày hôm sau sẽ là ngày nghỉ ngơi.   
Sáng chủ nhật, tôi thức giấc mà không bận rộn chuẩn bị để kịp lên đường ngay như mọi khi, nên tôi vẫn cảm thấy dễ chịu. Vả lại chúng tôi cũng đã quen với cuộc sống ở hang, ở động này rồi.   
Cái động tạo thành một căn phòng rộng. Trên nền đá hoa cương, dòng suối Hans vẫn êm đềm chảy. Sau bữa ăn sáng, giáo sư Lidenbrock muốn bỏ ra vài giờ để chỉnh lại những ghi chép hàng ngày của ông. Giáo sư nói:   
- Trước hết chú muốn tính toán xem chính xác chúng ta đang ở vị trí nào giữa lòng đất, để sau này khi trở về có thể vẽ sơ đồ cuộc hành trình và mặt cắt đứng của trái đất trình bày con đường mà đoàn thám hiểm đã đi qua.   
- Chú quá cẩn thận, nhưng liệu quan sát của chú có đủ chính xác không?   
- Rất chính xác! Chú đã cẩn thận ghi chép những độ ngoặt, độ dốc và tin rằng mình không thể nhầm lẫn được, hãy kiểm tra xem chúng ta đang ở đâu. Axel, cháu cầm lấy địa bàn xem có chỉ hướng nào.   
Tôi mở địa bàn ra, quan sát kỹ rồi đáp:   
- Đông đông nam, một phần tư!   
Giáo sư ghi ngay số liệu quan sát ấy và nhanh chóng tính toán.   
- Khá lắm, - giáo sư nói – theo tính toán có thể kết luận chúng ta đã đi được tám mươi lăm dặm kể từ điểm xuất phát.   
- Như vậy chúng ta đang du lịch ở bên dưới đáy Đại Tây Dương…   
- Hoàn toàn đúng như vậy!   
- Chúng ta đang ở cách chân núi Sneffels tám mươi tám dặm về phía đông nam và theo những ghi chép vừa rồi ước tính mười sáu dặm sâu dưới lòng đất.